



REMEMBERING THE ARVN

Patches, Badges, Insignia,
Decorations and Medals of the
Republic of Vietnam Armed Forces
(1955-1975)

**Phù Hiệu, Huy Hiệu, Huy Chương
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa**

by
Michael Do

ISBN: 9781653303434

Copyright 2020 by Michael Do

All rights reserved. This publication may not be reproduced, stored in retrieval systems or transmitted by any means, electronic, mechanical or by photocopying, recording or by any information storage and retrieval system without permission from the publishers, except for the inclusion of brief quotations in a review.

244th Anniversary of the American Independence Day. July 4th, 2020

This book is dedicated to the Vietnamese soldiers who fought bravely and sacrificed part or whole of their lives, their bodies in Vietnam War.

Acknowledgements

I want to express my gratitude to:

Mr. Dennis Kim (face book page: Down Range Vietnam War Collectors), Mr. Giang Ky and Mr. KhaiCo Vu (face book page: Không Lực Việt Nam Cộng Hoà), Mr. Nguyen Ba Toan (<http://www.nhayduwdc.org/index.htm>), Mr. Do Nhu Quyen ARVN Ranger, Mr. Le Duy Dai (Canada), Mr. Le Tuong Vu (California), Mr. Nguyen Ngoc Anh (Arizona), Ms. Khong Thi Thanh Huong (Hawaii), Mr. Thuy Minh Man (Georgia), Mr Nguyen Thanh Lam (Texas), Nguyen Thi Be Bay (Virginia) and many friends of mine.

I am deeply grateful for your helpful advice and information, your time to review and correct typo errors, your permission to use photos from your collection or book.

I will be thankful to anyone who would help to improve the next publishing. It might include corrections of misplaced captions, typos or more data. You can reach me at 512-437-1193, or md46usa@gmail.com.

Front cover: Commemoration the Black April with portraits of the Generals who committed suicide after the fall of the Republic of Vietnam. From left to right: Brigadier General Le Nguyen Vy (5th Infantry CO), Major General Pham Van Phu (II Corps CO), Major General Nguyen Khoa Nam (IV Corps CO), Brigadier General Tran Van Hai (7th Infantry CO) and Brigadier General Le Van Hung (IV Corps XO).

Mục Lục

Table of Contents

Lời Mở Đầu	Foreword	5
Lược Sử Quân Lực VNCH	A Brief History of the ARVN	6
Quân Kỳ	Flags of some Major Units	8
Sơ Đồ Tổ Chức QLVNCH	Organization Chart	11
Các Quân Chủng	Major Corps of the ARVN	12
Tổng Cục Tiếp Vận	Logistics General Department	14
Tổng Cục CTCT	Polwar General Department	17
Tổng Cục Quân Huấn	Military Training General Dept.	19
Phân Chia các Quân Khu	Military Regions	22
Các Quân Đoàn và Sư Đoàn	Army Corps and Infantry Divisions	23
Các Đơn Vị Tổng Trù Bị	General Reserve Elite Units	24
Sư Đoàn Nhảy Dù	Airborne Division	25
Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến	Marine Corps Division	29
Lực Lượng Đặc Biệt	Special Forces	31
Biệt Động Quân	Ranger	35
Không Quân	Air Force	39
Hải Quân	Navy	47
Các Sư Đoàn Bộ Binh	Infantry Divisions	54
Thiết Giáp	Armored Corps	77
Pháo Binh	Artillery Corps	79
Truyền Tin	Signal Corps	80
Địa Phương Quân & Nghĩa Quân	Regional and Popular Forces	82
Phù Hiệu không rõ Đơn Vị	Patches of Unknown Units	95
Phù Hiệu cũ	Old Patches	98
Các Tiểu Đoàn VN trước 1955	Pre 1955 Vietnam Battalions	101
Các Đơn Vị Commando	Commando Units	105
Quân Đội Hoa Kỳ tại Việt Nam	US Military in Vietnam	107
Quân Đội Đồng Minh	Other Allies Forces	116
Cảnh Sát Quốc Gia	National Police	119
Phù Hiệu trên Nón	Cap Badges	121
Cấp Hiệu	Rank Insignia	129
Huy Chương Quân Đội	Military Medals	139
Các Vật Dụng Đặc Biệt	Special Items	149
Hình Ảnh QLVNCH	Photo Album	151
Đôi Hàng về Tác Giả	About the Author	171



Coin honoring Vietnam Veterans

Foreword

When I resettled in the U.S.A in 1990, I could scarcely find several military items that belonged to the Armed Forces of the Republic of Vietnam. Based on the fuzzy images printed on a poster or in some magazines, I re-created a **collection of images of patches, badges, and insignia** of the major units of the ARVN.

From time to time, thanks to the social media, more decoration images surfaced that helped me to make a better and adequate collection. In this collection, instead of using the redrawn patches which were more beautiful, we preferred the original ones whenever possible although it took a lot of time to crop out the unwanted background.

My special thanks to Mr. Dennis Kim who allowed me to use the pictures of the Vietnamese National Army patches displayed on his Facebook page “Down Range Vietnam War Collectors Page”. I also thank Mr. KhaiCo Vu, Mr. Giang Ky (VNAF), Mr. Toan Nguyen, (<http://www.nhayduwdc.org>), Do Nhu Quyen (ARVN Ranger), Le Duy Dai (Canada), Hoang Pham (Colorado), Tony Đào (VN) and many others who granted me permission to use their valuable images on the web to add to this collection, and friends who reviewed the draft and suggested corrections.

Bộ sưu tập này chúng tôi vẽ lại bắt đầu từ năm 1990, dựa trên các hình ảnh sưu tầm qua một ít báo chí về quân đội hiếm hoi lúc đó. Sau đó, qua thời gian, bổ sung thêm một số được chụp lại từ phù hiệu trên vải hoặc được cung cấp từ các chiến hữu, thân hữu. Tuy có sẵn những phù hiệu vẽ lại rất đẹp, chúng tôi chọn những phù hiệu nguyên thủy mà theo chúng tôi là có giá trị hơn, dù mất nhiều thì giờ để cắt bỏ các phần xung quanh.

Chúng tôi vô cùng biết ơn quý vị đã đóng góp tài liệu và góp ý kiến. Ngoài ra, bộ sưu tập phù hiệu các đơn vị Quân Đội Quốc Gia Việt Nam (trước 1955) được ông Dennis Kim cho phép sử dụng, là từ trang Facebook “Down Range Vietnam War Collectors Page”. Xin cảm ơn. Tôi cũng biết ơn chiến hữu Giang Kỳ, KhaiCo Vũ (Không Quân), Nguyễn Bá Toàn (TĐ1 Nhảy Dù), Đỗ Như Quyên (Biệt Động Quân), Lê Duy Đài, Tony Đào, Hoàng Phạm và nhiều người đã đưa hình ảnh quý báu trên mạng và cho phép tôi dùng trong bộ sưu tập này cùng những thân hữu như bà Khổng thị Thanh Hương đã bỏ nhiều thì giờ xem bản thảo và góp ý và sửa lỗi.

Contact the author: Michael Do, 16204 Viki Lynn Pl., Pflugerville, TX 78660.

Telephone 512-437-1193. Email: md46usa@yahoo.com



President Ngô Đình Diệm (1955-1963) and President Nguyễn Văn Thiệu (1967-1975)

A Brief History of the Republic of Vietnam Armed Forces

In 1949, Vietnam became independent and recognized by the world community as The State of Vietnam. In the same year, the Vietnamese National Army (VNA) was formally established with ground, air, and naval branches originating from French Union Army colonial Indochinese auxiliary units.

On October 26, 1955, Mr. Ngô Đình Diệm proclaimed the birth of the Republic of Vietnam; and he became the first president.

On December 30, 1955, the Vietnamese National Army was officially renamed the Armed Forces of the Republic of Vietnam.

The 1st Indochina War (1945-1954) ended with the Geneva Accords. Vietnam was divided in two nations with opposing regimes: The Democratic Republic of Vietnam in the North was under communism; the State of Vietnam in the South became a member of the Free World. A year later, it was renamed the Republic of Vietnam.

Violating the Accords, Vietnam Communist Party left behind tens of thousands of cadres and soldiers in South Vietnam. Those people hid or blended into the population in rural areas to carry out terrorist acts and later guerrilla war (1960). From 1965, with unlimited supplies and hundreds of thousands of troops flooded from North Vietnam via Ho Chi Minh trail, the communists' war effort escalated to the semi-conventional war, beginning with the battle of Đòng Xoài.

The Vietnam War was the bloodiest one in the world since the World War 2. During the war, the U.S. government continuously supported South Vietnam with military assistance and sent hundreds of thousands of troops to fight alongside South Vietnamese soldiers.

In 1974, the U.S. Congress decided to end the support to the Republic of Vietnam. The military assistance was cut mercilessly, whereas, the communist giants China and Soviet Union sent to North Vietnam enormous supply in war materials.

On April 30, 1975, South Vietnam fell into the hand of the Communists.

The Armed Forces of the Republic of Vietnam ceased to exist.

In this book, we use the acronym ARVN for the Armed Forces of the Republic of Vietnam.



Left: General Lê Văn Ty (1903 - 1964), the first Chief of JGS (1955 - 1963)
Right: General Cao Van Vien (1921 - 2008), the last Chief of JGS (1965-1975)
General Lê Văn Ty was the first and only five-star General of the ARVN

Vài dòng về lịch sử Quân Lực VNCH

Năm 1949, Quốc Gia Việt Nam được nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận là một nước độc lập. Cũng trong năm này, ra đời Quân Đội Quốc Gia Việt Nam với đủ ba quân chủng Hải, Lục, và Không quân; lấy từ các đơn vị phụ lực quân trước đây thuộc Quân Đội Liên Hiệp Pháp.

Ngày 26 tháng 10, 1955, ông Ngô Đình Diệm tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Cộng Hòa và trở thành vị Tổng Thống đầu tiên.

Ngày 30 tháng 12, 1955, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam được cải danh xưng là Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Cuộc chiến tranh Đông Dương bắt đầu từ năm 1945, kết thúc vào tháng 7 năm 1954 khi Hiệp Định Geneva được ký kết, chia cắt Việt Nam thành hai miền với hai chế độ chính trị đối lập. Miền Bắc là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa theo chế độ Cộng sản, miền Nam là nước Việt Nam Cộng Hòa theo khối Tự Do.

Những người Cộng Sản đã vi phạm hiệp định Geneva khi họ để lại miền Nam hàng chục ngàn cán binh, trốn tránh và lẫn lộn trong dân chúng ở miền quê hay miền heo hút. Những người này thực hiện các kế hoạch khủng bố, gây rối để rồi tiến đến chiến tranh du kích. Cuối cùng, với sự xâm nhập ồ ạt cán binh từ miền Bắc và hàng trăm ngàn tấn trang bị, vũ khí qua đường mòn Hồ Chí Minh, họ bắt đầu các cuộc chiến tranh bán quy ước nhằm chiếm đoạt miền Nam, mở màn bằng trận Đồng Xoài năm 1965.

Cuộc chiến tranh Việt Nam được coi là đẫm máu nhất trong lịch sử kể từ sau Thế Chiến thứ hai. Suốt cuộc chiến, Hoa Kỳ không ngừng viện trợ cho miền Nam vũ khí đạn dược và ngay cả gửi hàng trăm ngàn binh sĩ chiến đấu cạnh quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1974, Quốc Hội Hoa Kỳ quyết định chấm dứt can thiệp ở miền Nam. Họ nhẫn tâm cắt đứt quân viện, trong lúc Liên Xô và Trung Cộng tiếp tục viện trợ chiến cụ dồi dào cho Bắc Việt.

Ngày 30 tháng 4, 1975, miền Nam rơi vào tay Cộng quân.

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị bức tử một cách tức tưởi.

Quân Kỳ - Some Major Units Flags



Commander-in-Chief



ARVN



Department of Defense



Joint General Staff



Navy



Army



Air Force



I Corps



II Corps



III Corps



IV Corps



Regional & Popular Forces



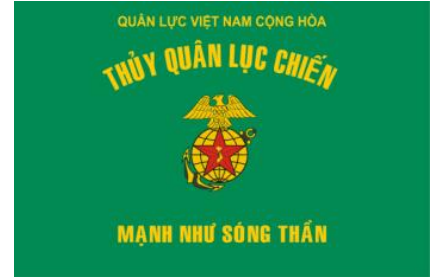
Armored Corps



Airborne



Ranger



Marine Corps



Special Forces



1st Infantry Division



2nd Infantry Division



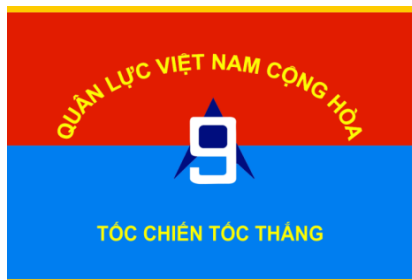
3rd Infantry Division



5th Infantry Division



7th Infantry Division



9th Infantry Division



18th Infantry Division



21st Infantry Division



22nd Infantry Division



23rd Infantry Division



25th Infantry Division



Engineer Corps



Artillery Corps



Military Police



Staff & Command College



National Military Academy



Polwar College



Infantry School



Medical School



Junior Military School



Women Army Corps School



Naval Training Center



NCO School



Capital Security Group



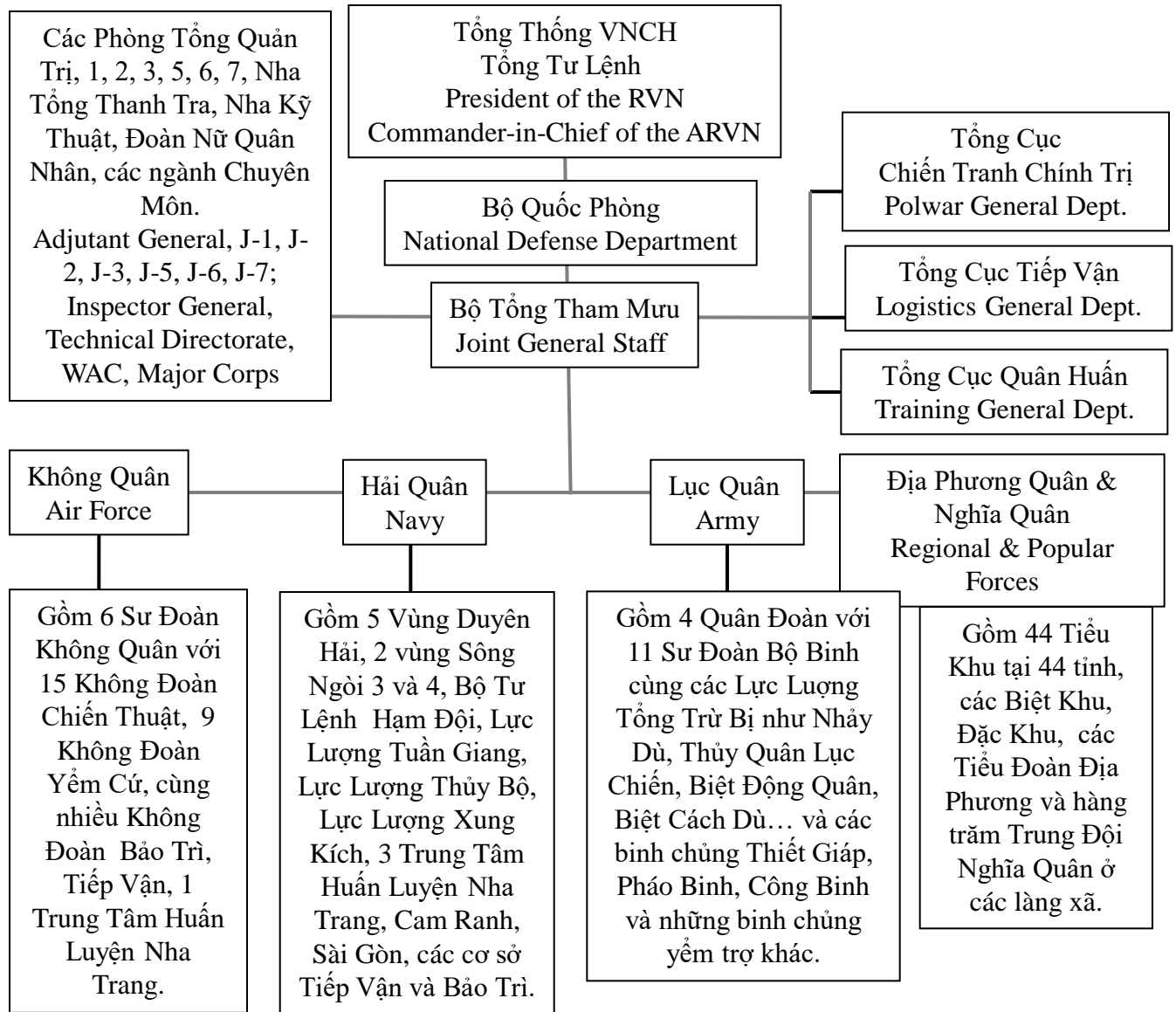
Quang Trung Training Center



Military Dog Training Center

Sơ Đồ Tổ Chức của QLVNCH

The ARVN Organization Chart



Vietnamese Air Force was the 6th largest of the world at the height of its power in 1974 with 63,000 personnel and 2075 aircraft of various types. It consisted of 6 Air Divisions (15 Tactical Wings, 9 Base Wings, Maintenance & Supply Wings), Nha Trang Air Training Center.

Vietnamese Navy was the largest in Southeast Asia with 42,000 personnel, 672 amphibious ships and craft, 20 mine warfare vessels, 450 patrol craft, 56 service craft, and 242 junks. Navy operated in 4 Coastal Zones, 2 Riverine Zones, Rung Sat Special Zone. Its personnel were trained at Nha Trang Naval Academy.

Vietnamese Army had at its height 942,000 personnel (410,000 Regular Forces and 532,000 Regional & Popular Forces). It consisted 4 Army Corps with 11 Infantry Divisions, 1 Airborne Parachute Division, 1 Marine Corps Division, 9 Ranger Groups, 1 Airborne Ranger Group, plus numerous combat support units such as Armored, Artillery, Engineer Corps, Signal Corps, Transportation.....

Các Quân Chủng

Major Branches of ARVN



Bộ Quốc Phòng
Department of National Defense



Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH
ARVN Joint General Staff



Không Quân
Air Force



Lục Quân
Army



Hải Quân
Navy



Bộ Tư Lệnh Không Quân
Air Force HQs



Không Quân
Air Force Badge



Hải Quân
Navy Badge



Bộ Tư Lệnh Hải Quân
Navy HQs

Patches of U.S. Advisory & Assistance Units



Toán Cố Vấn Viện Trợ Quân Sự
US Military Assistance Advisory Group



Bộ Tư Lệnh Viện Trợ Quân Sự
U.S. Military Assistance Command

Các Binh Chủng Major Corps



Thiết Giáp
Armored Corps



Công Binh Chiến Đấu
Combat Engineer



Công Binh Kiến Tạo
Construction Engineer



Pháo Binh
Artillery Corps



Quân Cảnh
Military Police



Quân Vận
Transportation Corps



Quân Nhạc
Military Band



Truyền Tin
Signal Corps



BTL Quân Viện
Military Assistance Command



Biệt Khu Thủ Đô
Capital Military Sector



Địa Phương Quân
Regional Force

Tổng Cục Tiếp Vận
Logistics General Department



Cục Quân Y
Medical Corps



Cục Công Binh
Engineer Corps



Cục Truyền Tin
Signal Corps



Cục Quân Cự
Ordnance Corps



Cục Quân Nhu
Quartermaster Corps



Nha Quân Bưu
Postal Services



Cục Quân Vận
Transportation Corps



Cục Mãi Dịch
Purchasing Office



Cục Quân Nhu
Quartermasters Corps



Quân Khuyển
Military Working Dog



Liên Đoàn 81 Quân Cự
81st Ordnance Group



Lục Quân Công Xưởng
Army Machine Factory

Các đơn vị thuộc Bộ Quốc Phòng
Units belonged to the Department of Defense



Nha Quân Pháp
Martial Justice



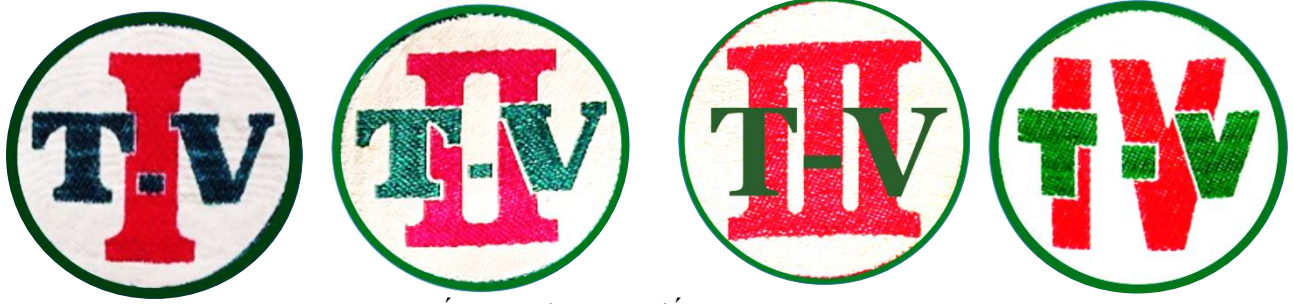
Tổng Nha Tài Chánh &
Thanh Tra Quân Phí
Finance & Budget Inspection



Tổng Nha Nhân Lực
Human Resources

Các Đơn Vị của Tổng Cục Tiếp Vận

Some Units of Logistics General Department



Bốn Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận Quân Khu
Four Military Region Logistics Commands



Năm Trung Tâm Tiếp Vận
Five Logistics Centers



Các Đơn Vị Quân Nhu – Some Quartermasters Units



Các Đơn Vị Quân Vận - Some Transportation Units

Công Binh – Corps of Engineers



Các Tiểu Đoàn Công Binh Chiến Đấu
Some Combat Engineer Battalions



Các Tiểu Đoàn Công Binh Kiến Tạo
Some Construction Engineer Battalions

Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị Political Warfare General Department



Tổng Cục CTCT
Polwar General Department



Cục An Ninh
Military Security



Cục Chính Huân
Political Education



Cục Tâm Lý Chiến
Psychological Warfare



Cục Xã Hội
Social Services



Cục Quân Tiếp Vụ
Post Exchange



Các Nha Tuyên Uý Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành
Military Chaplains (Buddhist, Catholic, Protestant)





Trường Đại Học CTCT
Polwar College

Trường Nữ Trợ Tá Xã Hội
Social Services School



Năm Tiểu Đoàn CTCT
Five Polwar Battalions



Các Đơn Vị thuộc Phòng Tổng Quản Trị, Bộ Tổng Tham Mưu
Units belonged to the Joint General Staff



Các Trung Tâm Tuyển Mộ
Recruiting Centers

Các Đơn Vị Quản Trị các Quân Khu
Administration Management Units

Tổng Cục Quân Huấn

Military Training General Department



Các trường Cao Đẳng Quốc Phòng (thuộc Bộ QP), Chỉ Huy Tham Mưu, Võ Bị Quốc Gia, Bộ Binh
National Defense Institute, Staff & Command College, National Military Academy, Infantry School



Trường Sinh Ngữ Quân Đội, Trường Hạ Sĩ Quan, Trường Thiêu Sinh Quân, TTHL Quang Trung
Military Language School, NCO School, Junior Military School, Quang Trung Training Center



Các Trung Tâm Huấn Luyện cấp Quân Đoàn: Đồng Đa, Lam Sơn, Vạn Kiếp, Chi Lăng.
Major Training Centers (Army Corps level): Đồng Đa, Lam Sơn, Vạn Kiếp, Chi Lăng.



Các Trung Tâm Huấn Luyện cấp địa phương: Hoà Cầm, Phù Cát, Sông Mao, Cao Lãnh
Training Centers: Hoà Cầm, Phù Cát, Sông Mao, Cao Lãnh

Các Trường & Trung Tâm Huấn Luyện thuộc các Ngành và Binh Chủng
Schools and Training Centers Belonged to Army Branches



TTHL Không Quân
Air Force Training Center



TTHL Hải Quân
Navy Training Center



Trường Đại Học CTCT
Polwar College



Trường Quân Y
Medical School



Trường Pháo Binh
Artillery School



Trường Thiết Giáp
Armored School



Trường Truyền Tin
Signal School



Trường Tổng Quản Trị
Adjutant General School



Trường Quân Báo
Intelligence School

Các Trường & Trung Tâm Huấn Luyện thuộc các Ngành và Binh Chủng
Schools and Training Centers Belonged to Army Branches



Tr. Hành Chánh Tài Chánh
 Finance School



Tr. Nữ Quân Nhân
 Women's Army Corps School



Tr. Võ Thuật
 Martial Art School



TTHL Biệt Động Quân
 Ranger Training Center



Trường Quân Nhu
 Quartermasters School



TTHL Hải Quân
 Naval Training Center



Quân Sự Học Đường
 Military Training for Students



Trường Quốc Gia Nghĩa Tử
 School for Children of the KIAs

Bốn Quân Đoàn (Four Army Corps)



Quân Đoàn 1
1st Army Corps



Quân Đoàn 2
2nd Army Corps



Quân Đoàn 3
3rd Army Corps



Quân Đoàn 4
4th Army Corps

Mười Một Sư Đoàn Bộ Binh (Eleven Infantry Divisions)



Sư Đoàn 1 BB
1st Infantry Division



Sư Đoàn 2 BB
2nd Infantry Division



Sư Đoàn 3 BB
3rd Infantry Division



Sư Đoàn 5 BB
5th Infantry Division



Sư Đoàn 7 BB
7th Infantry Division



Sư Đoàn 9 BB
9th Infantry Division



Sư Đoàn 18 BB
18th Infantry Division



Sư Đoàn 21 BB
21st Infantry Division



Sư Đoàn 22 BB
22nd Infantry Division



Sư Đoàn 23 BB
23rd Infantry Division



Sư Đoàn 25 BB
25th Infantry Division

CÁC ĐƠN VỊ TỔNG TRƯ BỊ ƯU TÚ ELITE UNITS & GENERAL RESERVE



Sư Đoàn TQLC
Marine Corps



Sư Đoàn Nhảy Dù
Airborne



Biệt Động Quân
Ranger



Lực Lượng Đặc Biệt
Special Forces



Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù
81st Airborne Ranger Group



Tác Chiến Điện Tử
Electronics Warfare



Biệt Hải
Sea Commando



Sở Phòng Vệ Duyên Hải
Coastal Security Service



Người Nhái
Frogmen

**Sư Đoàn Nhảy Dù
Airborne Division**



Beret Badge



Phù hiệu Sư Đoàn Nhảy Dù
Abn. Division Patch



Phù hiệu cũ
Old Patch



Red Beret



Parachutist Badges



4 Đại đội Trinh Sát (4 Reconnaissance Companies)



Pocket Badge



4 Tiểu Đoàn Pháo Binh (4 Artillery Battalions)



Các Đại Đội của Tiểu Đoàn Yểm Trợ: Công Vụ, Tài Chính, Kỹ Thuật, Bảo Trì, Quân Xa
5 Supporting Companies: Services, Finance, Technique, Maintenance, Transportation

Các Tiểu Đoàn Chiến Đấu & Yểm Trợ Airborne Combat & Supporting Battalions



Tiểu Đoàn 1
1st Battalion



Tiểu Đoàn 2
2nd Battalion



Tiểu Đoàn 3
3rd Battalion



Tiểu Đoàn 5
5th Battalion



Tiểu Đoàn 6
6th Battalion



Tiểu Đoàn 7
7th Battalion



Tiểu Đoàn 8
8th Battalion



Tiểu Đoàn 9
9th Battalion



Tiểu Đoàn 11
11th Battalion



Tiểu Đoàn Công Binh
Engineer Battalion



Tiểu Đoàn Truyền Tin
Signal Battalion



Tiểu Đoàn Quân Y
Medical Battalion



Tiểu Đoàn Tiếp Vận
Logistics Battalion

Most of the Images on pages 24 – 27 are attributed to Mr. Nguyen Ba Toan (www.nhayduwdc.org/)

Phù Hiệu các Đại Đội Nhảy Dù Patches of Airborne Companies



Các Đại Đội 10, 11, 12, 14, 15 của Tiểu Đoàn 1 Nhảy Dù
10th, 11th, 12th, 14th, 15th Companies of the 1st Airborne Battalion



Các Đại Đội 20, 21, 22, 23, 24 của Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù
20th, 21st, 22nd, 23rd, 24th Companies of the 2nd Airborne Battalion



Các Đại Đội 30, 31, 32, 33, 34 của Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù
30th, 31st, 32nd, 33rd, 34th Companies of the 3rd Airborne Battalion



Các Đại Đội 50, 51, 52, 53, 54 của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù
50th, 51st, 52nd, 53rd, 54th Companies of the 5th Airborne Battalion



Phù Hiệu các Đại Đội Nhảy Dù Patches of Airborne Companies



Các Đại Đội 60, 61, 62, 63, 64 của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù
60th, 61st, 62nd, 63rd, 64th Companies of the 6th Airborne Battalion



Các Đại Đội 70, 71, 72, 73, 74 của Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù
70th, 71st, 72nd, 73rd, 74th Companies of the 7th Airborne Battalion



Các Đại Đội 80, 81, 82, 83, 84 của Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù
80th, 81st, 82nd, 83rd, 84th Companies of the 8th Airborne Battalion



Các Đại Đội 90, 91, 92, 93, 94 của Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù
90th, 91st, 92nd, 93rd, 94th Companies of the 9th Airborne Battalion



Các Đại Đội 110, 111, 112, 113, 114 của Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù
110th, 111st, 112nd, 113rd, 114th Companies of the 11th Airborne Battalion

THỦY QUÂN LỤC CHIẾN Marine Corps



Phù hiệu nón
Beret Badge



Phù hiệu vai áo (mới)
Shoulder Patch (new)



Phù hiệu túi áo
Pocket Patch



Lữ Đoàn A – A Brigade



Phù hiệu vai áo (cũ)
Shoulder Patch (old)



Lữ Đoàn B – B Brigade



Phù hiệu cũ trên nón HSQ
Old Hat Badges – NCO, EM



Phù hiệu cũ trên nón Sĩ Quan
Old Hat Badges (Officers)

Vietnamese Marine Corps



Các tiểu đoàn 1, 2, 3, 4
1st, 2nd, 3rd, 4th Battalions



Các tiểu đoàn 5, 6, 7, 8, 9
5th, 6th, 7th, 8th, 9th Battalions



Các Tiểu Đoàn 1, 2, 3 Pháo Binh
1st, 2nd, 3rd Artillery Battalions



Các Tiểu Đoàn Truyền Tin
Signal Battalions

Các Tiểu Đoàn Quân Y và Tiếp Vận
Medical, Logistics Battalions

Lực Lượng Đặc Biệt Special Forces



Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù
81st Airborne Ranger



Phù hiệu vai áo LLDB
Shoulder Patch



Phù hiệu nón LLDB
Beret Badge



Bảng Nhảy Dù Căn Bản, Trung Cấp, Cao Cấp
Parachutist Badges (Basic, Senior, Master)



Ba Đơn vị của Nha Kỹ Thuật:: Sở Liên Lạc, Sở Phòng Vệ Duyên Hải, Sở Công Tác
Units of the Technical Directorate: Liaison Office, Coastal Security Service, Topography Office



Các đơn vị Biệt Hải, Đai Gươm Thiêng Ái Quốc
SEAL Teams, Radio Patriotic Sacred Sword



Các đơn vị của LLDB
Patches of various special units

Phù Hiệu các Đơn Vị Biệt Kích

Nhiều đơn vị như Mike Force, Dân Sự Chiến Đấu không trực thuộc Quân Lực VNCH mà do Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ tuyển mộ, huấn luyện, và chỉ huy. Những đơn vị này trú đóng trong các trại dọc theo biên giới Việt Lào hay Việt Miên. Trại do một toán LLDB Việt Nam điều hành và chỉ huy. Sau này một số đơn vị được sáp nhập vào QLVNCH một số trở thành các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng.

Patches of some units recruited, trained, and commanded by the US Special Forces such as Mike Force, Civilian Irregular Defense Group (CIDG). Later, the CIDG units were incorporated into ARVN and were renamed Border Ranger Battalions.



Phù Hiệu các Đơn Vị Biệt Kích



Phù Hiệu các Đơn Vị Biệt Kích không chính quy trực thuộc QLVNCH
Irregular units not belonged to the ARVN

Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Phù Hiệu các Đơn Vị Biệt Kích



First Patches of Special Forces prior 1963



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)



Biệt Động Quân Ranger



Có ba Bộ Chỉ Huy BDQ ở 3 Quân Khu 1, 2, 3 và một BCH ở Trung Ương.
Mỗi BCH có từ 3 đến 4 Liên Đoàn. Mỗi Liên Đoàn có ba Tiểu Đoàn và các đơn vị yểm trợ: Chỉ Huy Công Vụ, Hành Chánh Công Vụ, Chống Chiến Xa, Pháo Binh, Quân Xa, Quân Y, Trinh Sát, Truyền Tin và Viễn Thám. Đầu năm 1975, có dự tính thành lập 2 Sư Đoàn BDQ.

There were one Central Command and three Regional Commands in 1st, 2nd, and 3rd Military Regions. Each Command consisted of from 3 to 4 Ranger Groups. Each Group had 3 battalions and 9 Supporting Units such as: HQs, Administration, Anti-Tank, Artillery, Transportation, Medical, Reconnaissance, Signal, and Long Range Recon. With two more new groups, Ranger were planned to be reorganized into 2 Ranger Divisions in early 1975.



Các Liên Đoàn 4, 6, 7 thuộc Bộ Chỉ Huy Trung Ương (màu vàng)
4th, 6th, 7th Groups of the Central Ranger Command (yellow top bar)



Các Liên Đoàn 31,32, 33 thuộc Bộ Chỉ Huy Quân Khu 3 (màu nâu)
31st, 32nd, 33rd Groups of the 3rd Military Region Ranger Command (brown top bar)

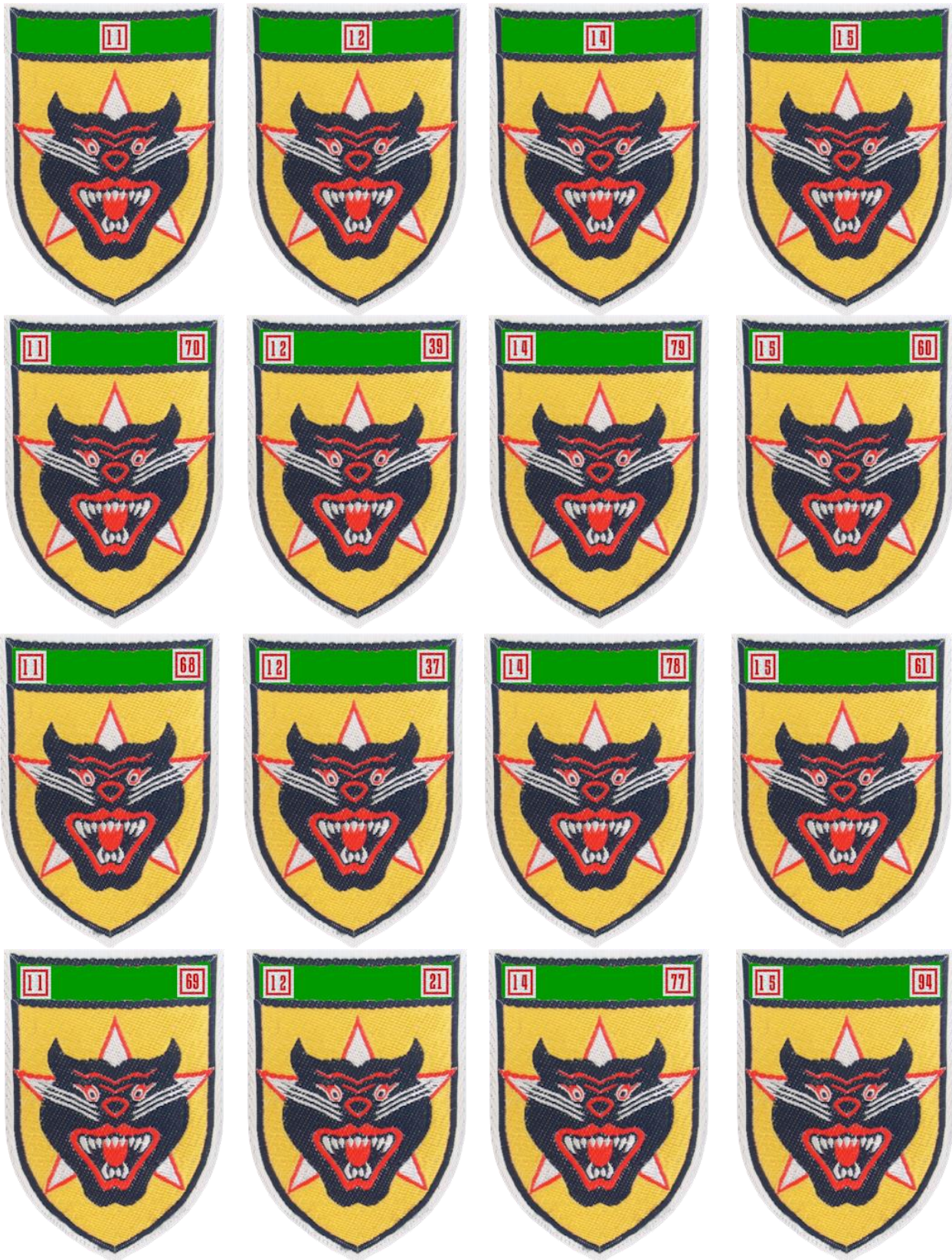


Các Liên Đoàn 21, 22, 23, 24, 25 thuộc Bộ Chỉ Huy Quân Khu 2 (màu đỏ)
 21st, 22nd, 23rd, 24th, 25th Groups of the 2nd Military Region Ranger Command (red top bar)



Các Đơn Vị trong Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 12 – Bộ Chỉ Huy Quân Khu 1 (màu xanh lá cây)
 Supporting Units of the 12th Group, 1st MR Ranger Command (green top bar)

Images on pages 34 - 36 are attributed to Mr. Nguyen Ba Toan (www.nhayduwdc.org/index.htm)



Các Tiểu Đoàn trong Liên Đoàn 11, 12, 14, 15 – Bộ Chỉ Huy BĐQ Quân Khu 1
 Battalions of the 11th, 12th, 14th, 15th Groups, 1st MR Ranger Command

Images on pages 34 - 36 are attributed to Mr. Nguyen Ba Toan (www.nhayduwdc.org/index.htm)

Một số phù hiệu các Tiểu Đoàn BDQ
 Patches of some Ranger Battalions



Ranger initial patch prior 1960



Không Lực Việt Nam Cộng Hòa

RVN Air Force



Huy hiệu Phi công
Pilot wing
(Top: Master, Bottom: Basic)



Phù hiệu cát kết
Cap Badge



Phù hiệu túi áo
Pocket Patch



Phù hiệu cát kết
Cap Badge 1963
Courtesy of Tom Le



Nón Calot



Phù hiệu cát kết
Cap Badge after 1964



Cánh bay sơn trên phi cơ
The VNAF logo painted on aircraft fuselage



Các Phù hiệu đeo cánh tay phải
Patches of Squadrons worn on the right sleeve



Không Lực Việt Nam Cộng Hòa Republic of Vietnam Air Force

6 Sư Đoàn Không Quân (6 Air Divisions)



Các Không Đoàn Bảo Trì, Tiếp Vận Special Units (Wing Level)



BCH Hành Quân KQ (Operations Command), các Không Đoàn Bảo Trì (Maintenance Wing), Kỹ Thuật (Technical & Logistics Wing), Liên Đoàn 33 Kỹ Thuật (Tech Group).



Các đơn vị Kiểm Báo (Air Surveillance Group)

Trung Tâm Huấn Luyện
(Training Center)

Các Không Đoàn Chiến Thuật Tactical Wings



This image is attributed to Mr. Vu KhaiCo



Phù hiệu cũ Không Đoàn 41, 62, 23, 33, 74 (Old patches of 41st, 62nd, 23rd, 33rd, and 74th Tactical Wings)



Không Đoàn 41, 51, 61 (SĐ1KQ/ 1st Air Division)

Không Đoàn 62, 92 (SĐ2KQ/ 2nd AD)



Không Đoàn 72, 82 (SĐ6KQ/ 6th AD)

Không Đoàn 23, 43, 63 (SĐ3KQ/ 3rd AD)



Không Đoàn 64, 74, 84 (SĐ4KQ/ 4th AD)

Không Đoàn 33, 53 (SĐ5KQ/ 5th AD) 41

Các Phi Đoàn Quan Sát Observation & Reconnaissance Squadrons



Các Phi Đoàn Trực Thăng (Helicopter Squadrons)





Các Phi Đoàn Vận Tải (Cargo Squadrons)



**Các Phi Đoàn Không Thám 716, 718, 720
(Reconnaissance Squadrons)**

**Các Phi Đoàn Đặc Nhiệm
(Special Mission Squadrons)**



**Các Phi Đoàn Vận Tải Vũ Trang 817, 819, 821
(Armed Cargo Squadrons)**

**Phi Đoàn Huấn Luyện
Training Squadron**

**Trường Anh Ngữ
English School**

Các Phi Đoàn Khu Trục - Chiến Đấu Fighter Squadrons



Phù Hiệu các Khoá Phi Công A-37 tại Hoa Kỳ Air Force A-37 Pilot Training in the U.S. (1971 – 1975)

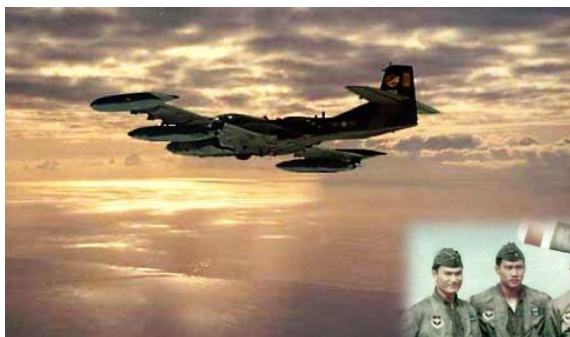


Không Quân Việt Nam Hành Khúc
Vietnam Air Force Song



The patches were found at Sheppard AFB

Phù Hiệu các Khoá Phi Công A-37 tại Hoa Kỳ Air Force A-37 Pilot Training in the U.S. (1972 – 1975)



Vietnamese Air Force Officers at Keesler AFB, USA in 1972



These A-37 images are attributed to Mr. Giang Ky



Hải Quân Navy



Cờ Truyền Thống - Traditional Flag



Các Bộ Tư Lệnh 4 Vùng Duyên Hải - Coastal Zone Commands



BTL Vùng 3 Sông Ngòi
3rd Riverine Zone



BTL Vùng 4 Sông Ngòi
4th Riverine Zone





Hải Quân Navy



Huy Hiệu Thuyền Trưởng
Ship Captain Badges



Biệt Hải
Navy Commando



Phòng Vệ Duyên Hải
Coast Security Service



Tác Chiến Điện Tử
Electronics Warfare



Quân Vận
Cargo



Hải Thuyền
Junk Force



An Ninh Hải Quân
Military Security



Trung Tâm Tiếp Liệu
Logistics Center



Toán Yểm Trợ Lưu Động
Mobile Support Team



Yểm Trợ Tiếp Vận
Support, Logistics



Thủy Xưởng
Shipyards



Trung Tâm Truyền Tin
Signal Center



Căn Cứ Phú Quốc
Phu Quoc Naval Base



Căn Cứ Phú Cường
Phu Cuong Naval Base



Duyên Đoàn 41
41st Coastal Group

Các Chiến Hạm Warships



Trục Chiến Hạm
Lưu Phú Thọ



Pháo Hạm Tầm Sét



Bệnh Viện Hạm
Hát Giang (Hospital Ship)



Hộ Tống Hạm Đồng Đa



Tuần Duyên Đinh Phú Du



Tuần Dương Hạm Trần Bình Trọng



Hộ Tống Hạm Nhật Tảo



Trục Chiến Hạm 228



Hộ Tống Hạm Tụy Động



HQ 605 Kim Quy



HQ 606 Vân Đồn



Khu Trục Hạm
Trần Hưng Đạo



Khu Trục Hạm
Trần Khánh Dư



Trục Chiến Hạm
Linh Kiểm



Trục Chiến Hạm
Lam Giang



Liên Đoàn Người Nhái Frogmen, SEAL, Sea Commando



Các Đơn Vị Người Nhái – Frogmen Groups



Frogmen
Beret Badge



Người Nhái Cảnh Sát - Police Frogmen



Huy Hiệu Chuyên Môn - Qualification Badges



Hải Quân Navy



Các Liên Đoàn Người Nhái
Frogmen Groups



Các Trung Tâm Huấn Luyện
Naval Training Centers



Giang Cảnh
Riverine Police



Hải Thuyền
Junk Force



Hải Quân
Navy





Một số Đơn Vị Hải Quân Some Navy Badges



Các Giang Đoàn Tuần Thám - Xung Phong
Riverine Patrol and Assault Squadrons





Một số Đơn Vị Hải Quân Some Navy Badges



Các Lực Lượng Tuần Giang, Giang Cảnh
Navy Riverine Squadrons



Lực Lượng Trung Ương



Hải Đội Duyên Phòng



Trục Lôi Đình



Duyên Đoàn 27



Lực Lượng Thủy Bộ



Giang Đoàn Tuần Thám 51



Giang Đoàn Tuần Thám 52, 53, 58, 61



Giang Đoàn Tuần Thám 63,



Giang Đoàn Thủy Bộ 74, 75



Giang Đoàn Trục Lôi 91

Phù Hiệu Nguyên Thủy các Sư Đoàn Bộ Binh

Original Embroidered Patches of Infantry Divisions



Sư Đoàn 1 BB
1st Infantry Division



Sư Đoàn 2 BB
2nd Infantry Division



Sư Đoàn 3 BB
3rd Infantry Division



Sư Đoàn 5 BB
5th Infantry Division



Sư Đoàn 7 BB
7th Infantry Division



Sư Đoàn 9 BB
9th Infantry Division



Sư Đoàn 18 BB
18th Infantry Division



Sư Đoàn 21 BB
21st Infantry Division



Sư Đoàn 22 BB
22nd Infantry Division



Sư Đoàn 23 BB
23rd Infantry Division



Sư Đoàn 25 BB
25th Infantry Division



Phù Hiệu Ngụy Trang Subdued Patches



Sư Đoàn 1 BB
1st Infantry Division



Sư Đoàn 3 BB
3rd Infantry Division



Sư Đoàn 5 BB
5th Infantry Division



Sư Đoàn 7 BB
7th Infantry Division



Sư Đoàn 9 BB
9th Infantry Division



Sư Đoàn 18 BB
18th Infantry Division



Sư Đoàn 22 BB
22nd Infantry Division



Sư Đoàn 23 BB
23rd Infantry Division



Sư Đoàn 25 BB
25th Infantry Division



Sư Đoàn 3 BB (cũ)
3rd Infantry Division (old)



Trung Đoàn 2 BB
2nd Infantry Regiment



Những Đơn Vị Thời Xa Xưa Patches of Units of Old Time



Sư Đoàn Kinh Chiến 13, 14, 15, 16 (Trước 1955)
13th, 14th, 15th, 16th Light Infantry Divisions (pre 1955)



Sư Đoàn Dã Chiến 4, Sư Đoàn 9 cũ, Sư Đoàn 10 (tiền thân SĐ 18 BB), Sư Đoàn 3 cũ
4th Field Infantry Division, 9th Infantry Divisions, 10th ID, old patch of the 3rd ID

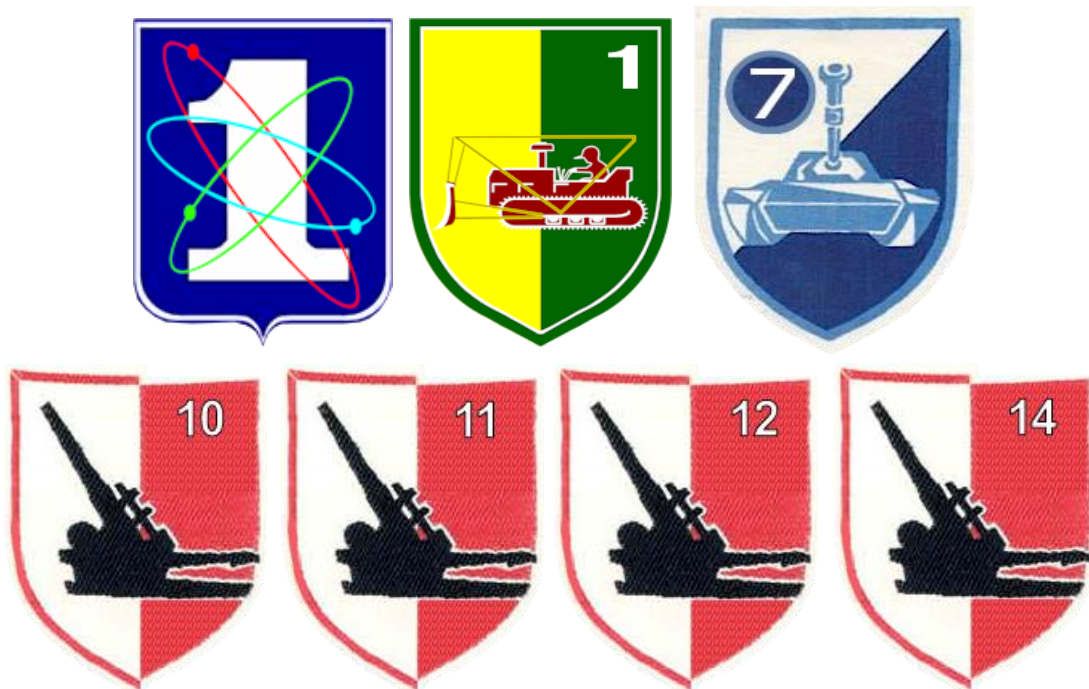


Không rõ đơn vị
Unknown

Sư Đoàn 1 Bộ Binh 1st Infantry Division



Đơn Vị Trinh Sát, Đại Đội Hắc Báo
Reconnaissance Units, Black Panther Company



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 1 BB – Trung Đoàn 1
1st Infantry Division, 1st Regiment



Sư Đoàn 1 BB – Trung Đoàn 3
1st Infantry Division – 3rd Regiment



Sư Đoàn 1 BB – Trung Đoàn 51
1st Infantry Division – 51st Regiment



Sư Đoàn 1 BB – Trung Đoàn 54
1st Infantry Division – 54th Regiment



Sư Đoàn 2 BB – 2nd Infantry Division



Sư Đoàn 2 BB – Các Trung Đoàn 4, 5, 6
2nd Infantry Division – 4th, 5th, 6th Regiments



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

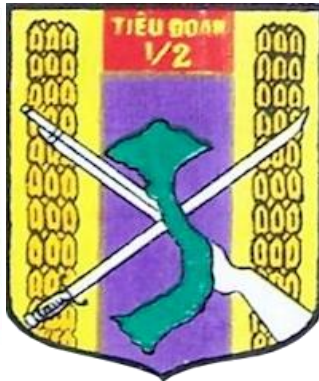
Sư Đoàn 3 Bộ Binh – 3rd Infantry Division



Các Trung Đoàn 2, 56, 57
2nd, 56th, 57th Regiments



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions



Các Tiểu Đoàn và Trinh Sát của Trung Đoàn 2, 56, 57
 Recon Companies and Battalions of the 2nd, 56th, 57th Regiments

Sư Đoàn 5 Bộ Binh – 5th Infantry Division



Trung Đoàn 7 – 7th Rgt.



Trung Đoàn 8, (trước và sau 1972) - 8th Rgt.



Trung Đoàn 9 - 9th Rgt.



Trinh Sat - Recon Units



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 7 Bộ Binh – 7th Infantry Division



Quân Y, Quân Cảnh, Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Medical, M.P., Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 7 Bộ Binh – 7th Infantry Division



Trinh Sát, Trung Đoàn 10, 11, 12
Reconnaissance, 10th, 11th, 12th Regiments

Sư Đoàn 9 Bộ Binh - 9th Infantry Division

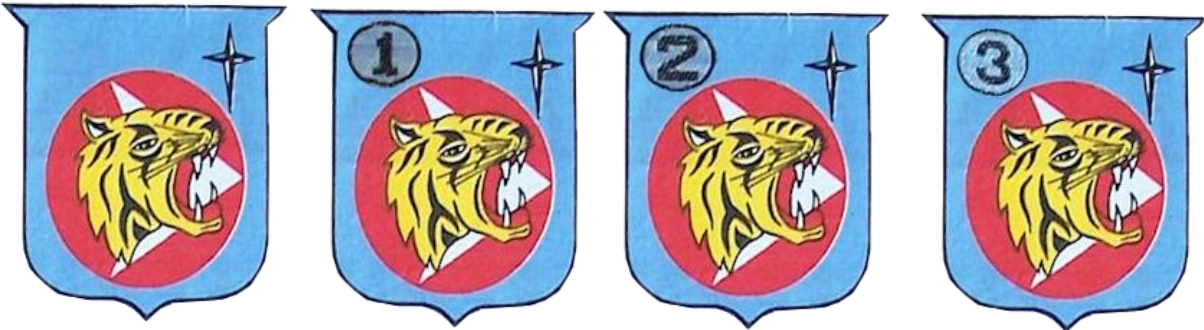


Trinh Sát và Quân Y - Reconnaissance and Medical Units



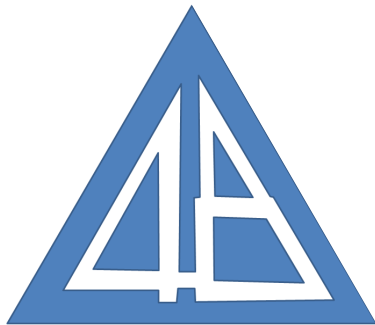
Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 9 Bộ Binh – 9th Infantry Division



Trinh Sát 14, 15, 16 và các Trung Đoàn 14, 15, 16
14th, 15th, 16th Regiments

Sư Đoàn 18 Bộ Binh – 18th Infantry Division



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 18 Bộ Binh – 18th Infantry Division



Các Trung Đoàn 43, 48, 52
43rd, 48th, 52nd Regiments

Sư Đoàn 21 Bộ Binh – 21st Infantry Division



Chi Đoàn 2/9 Thiết Kỵ
2nd Sq., 9th Armored Rgt



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 21 Bộ Binh – 21st Infantry Division



Các Trung Đoàn 31, 32, 33
31st, 32nd, 33rd Regiments

Sư Đoàn 22 Bộ Binh – 22nd Infantry Division



Chi Đoàn 1/14 Thiết Kỳ
1st Sqn., 14th Armored Rgt.

Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 22 Bộ Binh – 22nd Infantry Division



Các Trung Đoàn 40, 41, 42, 47
40th, 41st, 42nd, 47th Regiments

Sư Đoàn 23 Bộ Binh – 23rd Infantry Division



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
 Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions

Sư Đoàn 23 Bộ Binh – 23rd Infantry Division



Các Trung Đoàn 44, 45, 53
44th, 45th, 53rd Regiments

Sư Đoàn 25 Bộ Binh – 25th Infantry Division



Có các Trung Đoàn 46, 49, 50
46th, 49th, 50th Regiments



Đơn Vị Yểm Trợ: Các Tiểu Đoàn Truyền Tin, Công Binh, Thiết Giáp, Pháo Binh
Supporting Units: Signal, Engineer, Armored, Artillery Battalions



Thiết Giáp Armored Corps



Có 4 Lữ Đoàn gồm 21 Thiết Đoàn, trong đó 11 Thiết Đoàn đặt dưới quyền sử dụng của các Sư Đoàn Bộ Binh. Còn lại 10 Thiết Đoàn là Tổng Trữ Bị cho Quân Đoàn.

There were 4 Brigades consisting of 21 Regiments. Eleven of them were under command of 11 Infantry Divisions. The remainder was used as general reserve units of the Army Corps



Truyền Tin
Signal



Bộ Chỉ Huy
Command Post



Trường Thiết Giáp
Armored School



Các Lữ Đoàn 1, 2, 3, 4 - 1st, 2nd, 3rd, 4th Brigades



Các Thiết Đoàn 1, 2, 3, 4 - 1st, 2nd, 3rd, 4th Regiments



Các Thiết Đoàn Armored Regiments



Images on pages 76 - 80 are attributed to Mr. Nguyen Ba Toan (www.nhayduwdc.org/index.htm)



Pháo Binh Artillery Corps



Các Tiểu Đoàn - Artillery Battalions

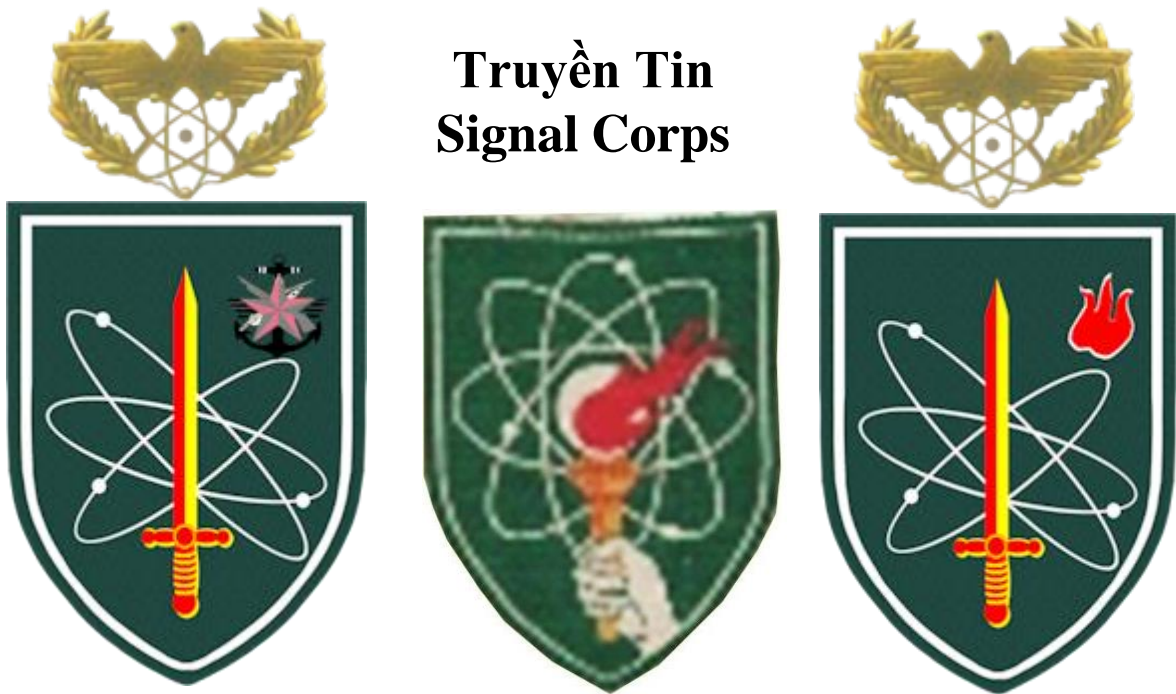


Pháo Binh Phòng Không - Anti-Aircraft Artillery



Pháo Binh Lưu Động 175 ly - 175 mm Mobile Artillery

Truyền Tin Signal Corps



BCH Truyền Tin
Command Post

Trường Truyền Tin
Signal School



Các Tiểu Đoàn Truyền Tin Yểm Trợ
Supporting Signal Battalions



Các Tiểu Đoàn Truyền Tin Signal Battalions



Địa Phương Quân & Nghĩa Quân Regional Force & Popular Force



Phù Hiệu Nón
Cap Badge



Tuần Giang
River Patrol



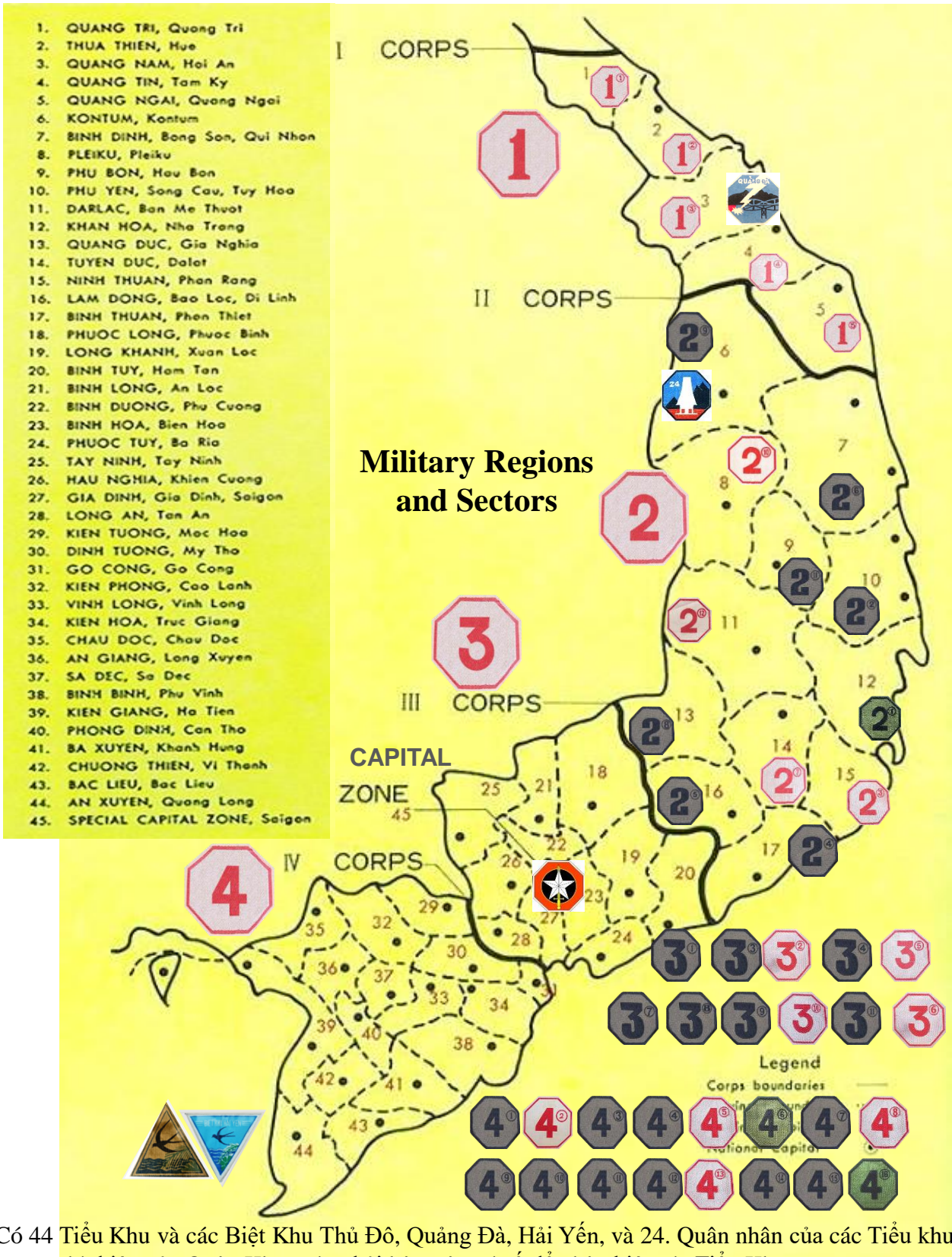
Nghĩa Quân
Popular Force



Thám Thính Xa
Light Armored Vehicle

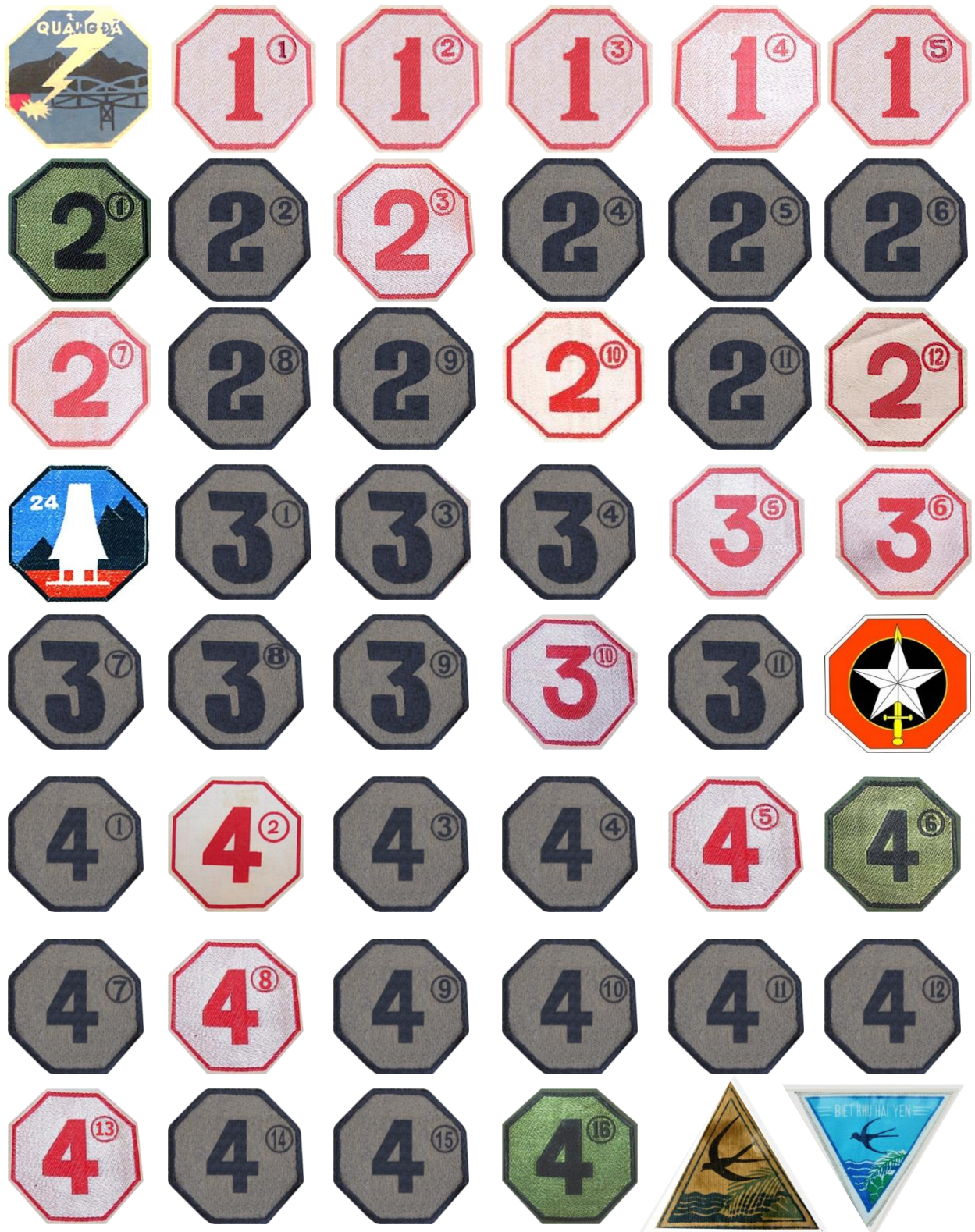


Các Quân Khu 1, 2, 3, 4
1st, 2nd, 3rd, 4th Military Regions



Có 44 Tiểu Khu và các Biệt Khu Thủ Đô, Quảng Đà, Hải Yến, và 24. Quân nhân của các Tiểu khu mang phù hiệu của Quân Khu; góc phải bên trên có số để phân biệt các Tiểu Khu.

There were 44 Military Sectors associated with 44 Provinces plus the Capital Special Zone, and 24th, Hai Yen, and Quang Da Special Zones. Sector personnel wore the shoulder patch of the Military Region they belonged to. There was a small number at the top right corner to distinguish between the Sectors in the Region.



Có tất cả 44 Tiểu Khu ở 44 tỉnh và các Biệt Khu Thủ Đô, Quảng Đà, Hải Yên, và 24. Quân nhân của các Tiểu khu mang phù hiệu của Quân Khu; ở góc phải bên trên có đánh số để phân biệt các Tiểu Khu. There were 44 Military Sectors associated with 44 Provinces plus the Capital Special Zone, and 24th, Hai Yen, and Quang Da Special Zones. Sector personnel wore the shoulder patch of the Military Region they belonged to, There was a small number at the top right corner to distinguish between the Sectors in the Region.

Images on this page are attributed to Mr. Nguyen Ba Toan (Washington D.C.)



Biệt Khu Quảng Đà
Quang Da Special Zone



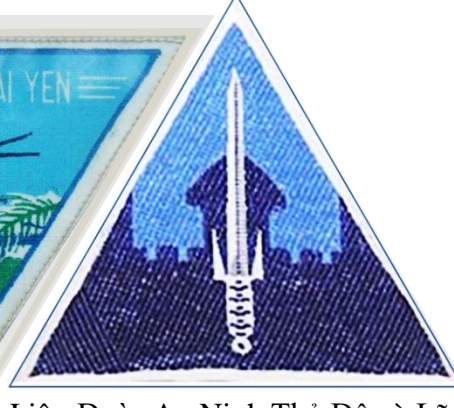
Biệt Khu Thủ Đô
Capitol Special Zone



Biệt Khu 24
24th Special Zone



Biệt Khu Hải Yên
Hai Yen Special Zone



Liên Đoàn An Ninh Thủ Đô và Lữ Đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống
Capital Security Group and Presidential Palace Defense Brigade
Although located in the Capitol Special Zone, they were of Regular Forces.



Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các Tiểu Đoàn Địa Phương – RF Battalions



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các Đơn Vị Trinh Sát Tiểu Khu Provincial Reconnaissance Units



Phong Dinh



Phuoc Long



Kien Hoa



Kien Giang



Phuoc Tuy



Bien Hoa



Quang Tri



Gia Dinh



Tay Ninh



Hoa Dong Go Cong



Go Cong



Binh Thuan



Quang Nam



Pleiku



Đông Xuân, Phú Yên



Quang Nam



Unknown

Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Một số Đơn Vị Địa Phương Quân – Bán Quân Sự Regional Force – Popular Force - Paramilitary



Trung Đoàn Địa Phương
Regional Regiment (Prior 1955)



Trinh Sát Tiểu Khu
Provincial Reconnaissance Units



Võ Trang Tuyên Truyền
Armed Propaganda



Đơn Vị Trinh Sát Tiểu Khu
Provincial Reconnaissance Unit



Dân Vệ (Nghĩa Quân)
Old name of Popular Force



Xây Dựng Nông Thôn
Rural Development



Nhân Dân Tự Vệ
Civilian Self-Defense



Bộ Chiêu Hồi
Open Arms Department



Các phù hiệu không rõ đơn vị (Unknown Units)



Phù Hiệu Dân Vận
Civic Action

Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Các phù hiệu không rõ đơn vị (Unknown Units)



Thông Dịch Viên
Interpreter



Images on this page are attributed to Mr. Dennis Kim (Hawaii) and Le Tuong Vu (California)

Các phù hiệu không rõ đơn vị (Unknown Units)



Images on this page are attributed to Mr. Le Tuong Vu (California)

Một số Phù Hiệu Cũ

Some Old Patches



Quân Tiếp Vụ
Post Exchange



Nha Xã Hội
Social Service



Tuyên Ủy Công Giáo
Catholic Chaplain



Nha Tâm Lý Chiến
Psywar Directorate



Chiến Đoàn 1 TQLC
1st Marine Group



Tiểu Đoàn 38, 33, 41, 74 Biệt Động Quân
38th, 41st, and 74th Ranger Battalions



TTHL KHông Quân
Air Force Training
Center



SD 5 BB
5th Infantry Division



Tiểu Đoàn 1 TLC
1st Psywar Battalion



Liên Đoàn 77 LLDB
77th Special Forces
Group.



Liên Trường
Võ Khoa Thủ Đức
Joint Military School



Trương Võ Bị
Liên Quân Da Lat
Military Academy

Images on this page are attributed to Mr. Dennis Kim (Hawaii) and Le Tuong Vu (California)

Một số Phù Hiệu Cũ

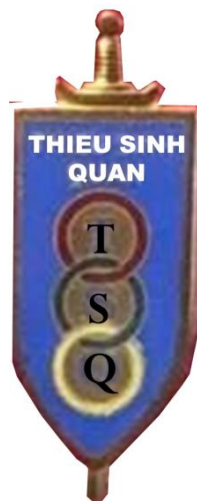
Some Old Patches



TTHL Chi Lang
Chi Lang Training Center



Phù Hiệu Cũ của vài Đơn Vị Bộ Binh
Old Patches of Infantry Units



Tr. Thiệu Sinh Quân
Junior Military School



Các Đơn vị Nùng
Nung Ethnic Units

Sư Đoàn 2 Cũ
2nd Division



Kỷ Niệm Bình Long
Binh Long Victory



Chiến Dịch
Thoại Ngọc Hầu
Campaign



Phụng Hoàng
Phoenix Program



Hiển Binh
Gendarmerie



Đội kích trại tù
Son Tay Raider



Chiến Dịch Lam Sơn
719
Lam Son Campaign



Báo Chí
Press Badge



Đặc Công
Sapper



Air America



Cố Vấn TQLC
US Advisor to VNMC



Phù hiệu cũ Bộ
Quốc Phòng
DOD



Việt Binh Đoàn
Viet Military Group



US Pacific Commando



Quân Đội Hòa Hảo
Hoa Hao Militia



Quân Đội Cao Đài
Cao Dai Militia



Các Tiểu Đoàn Việt Nam trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam Battalions in Vietnamese National Army (1949 - 1955)



Các Tiểu Đoàn Sơn Cước 1, 2, 5, 6, 7, 8
(Mountain Battalions)



Các Tiểu Đoàn 1, 2 (1st, 2nd Battalions)



Các Tiểu Đoàn 3, 5, 6 (3rd, 5th, 6th Battalions)



Các Tiểu Đoàn 7, 8, 9 (7th, 8th, 9th Battalions)

Các Tiểu Đoàn Việt Nam trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam Battalions in Vietnamese National Army (1949 - 1955)



Các Tiểu Đoàn: 11, 12, 13, 14



Các Tiểu Đoàn: 15, 16, 17



Các Tiểu Đoàn: 18, 19, 20, 21, 22



Các Tiểu Đoàn: 23 24, 25, 26, 27

Các Tiểu Đoàn Việt Nam trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam Battalions in Vietnamese National Army (1949 - 1955)



Các Tiểu Đoàn 28, 30, 44, ??, 52



Các Tiểu Đoàn 53, 54, 55, 56, 56, 58, 59



Các Tiểu Đoàn 61, 62, 63, 64, 65



Các Tiểu Đoàn 66, 71, 72, 75, 76

The Images on this page are attributed to Mr. Dennis Kim (Down Range Vietnam Collectors Page)

Các Tiểu Đoàn Việt Nam trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam Battalions in Vietnamese National Army (1949 - 1955)



Các Tiểu Đoàn 83, 201, 202, 251, 252



Các Tiểu Đoàn 253, 255, 256, 257, 258



Các Tiểu Đoàn 262, 263, 264, 265, 302



Các Tiểu Đoàn 318, 351, 503, 518, 532

The Images on this page are attributed to Mr. Dennis Kim (Down Range Vietnam Collectors Page)

Các Đơn Vị Biệt Kích trước 1954
Commando Units in the 1st Indochina War

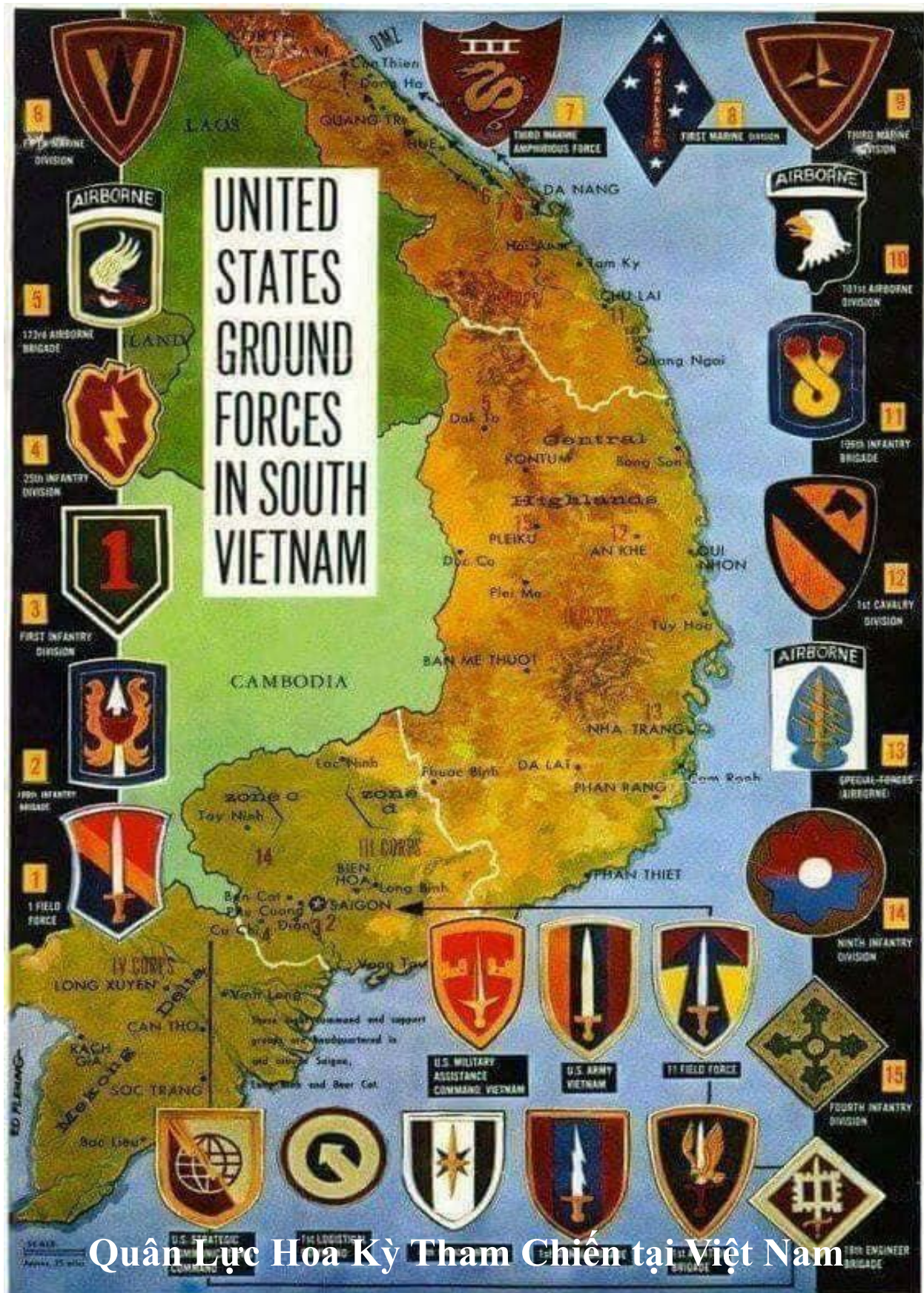


Các Đơn Vị Biệt Kích trước 1954 Commando Units in the 1st Indochina War



Tiểu Đoàn 2 Lưu Động Pháp Việt
2nd Mobile French-Vietnamese
Battalion

Các Tiểu Đoàn Lê Dương Pháp
French Legion Parachute Battalions



Quân Lực Hoa Kỳ Tham Chiến tại Việt Nam

Quân Lực Hoa Kỳ Tham Chiến tại Việt Nam

Ngay khi Việt Nam Cộng Hoà ra đời, Hoa Kỳ đã hứa sẽ hết lòng viện trợ, giúp miền Nam chống lại sự bành trướng của Cộng Sản. Phái Bộ Cố Vấn và Viện Trợ Quân Sự Mỹ (MAAG) có từ 1950, thời chiến tranh Đông Dương, nay tiếp tục công việc yểm trợ Quân Đội VNCH.

Chiến tranh leo thang vào giữa thập niên 1960. Để cứu vãn tình hình quân sự miền Nam nguy ngập vì những cuộc đấu tranh phá rối do Cộng Sản giết dây ở hậu phương, Hoa Kỳ quyết định gửi quân tham chiến cạnh QLVNCH.

Ngày 8 tháng 3, 1965, 2000 binh sĩ thuộc Lữ Đoàn 9 Viễn Chinh Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ là đơn vị chiến đấu đầu tiên đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng. Tám năm sau, do áp lực quần chúng Mỹ ép buộc phải rút quân, giải quyết vấn đề tù binh Mỹ, Hoa Kỳ thương lượng và ký Hiệp Định Paris. Ngày 29 tháng 3, 1973, người lính chiến cuối cùng của Mỹ rời Việt Nam. Thế là kết thúc sự can thiệp của Hoa Kỳ vào cuộc chiến tranh dai dẳng và đẫm máu với 58,209 quân nhân thiệt mạng, 153,303 bị thương và gần 2000 binh sĩ bị mất tích.

Trong Chiến Tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã gửi tổng cộng 3,525,000 lượt quân tham chiến tại Việt Nam. Vào thời điểm cao nhất tháng 4-1969, lực lượng Mỹ đạt quân số 363,000 người.

LỰC QUÂN

- Lực lượng Dã chiến I đảm trách Vùng 2 Chiến Thuật, gồm Sư Đoàn 1 Ky Binh, Sư Đoàn 4 Bộ Binh, Lữ Đoàn 3 của Sư Đoàn 25 Bộ Binh, Lữ Đoàn 1 của Sư Đoàn 101 Dù, Lữ Đoàn 173 Dù và các đơn vị 41 và 52 Pháo Binh, Tiểu Đoàn 54 Truyền Tin và Liên Đoàn 77 Radar.

- Lực lượng Dã chiến II đảm trách Vùng 3 Chiến Thuật. gồm các Sư Đoàn 1, 9, 25 Bộ Binh, Sư Đoàn 101 Dù, Sư Đoàn 1 Ky Binh, Lữ Đoàn 3 của Sư Đoàn 4 Bộ Binh, hai Lữ Đoàn 196 và 199 Khinh Binh, Lữ Đoàn Dù 173, Lữ Đoàn 3 thuộc Sư Đoàn 82 Dù, Thiết Đoàn 11 Ky Binh, Liên Đoàn 12 Không Yểm, các Liên Đoàn 23, 54 Pháo Binh, Tiểu Đoàn 53 Truyền Tin, Lực Lượng Đặc Nhiệm Australia, Lực Lượng Tình Nguyện Thái Lan.

- Quân Đoàn 24 chịu trách nhiệm Vùng 1 Chiến Thuật. gồm Sư Đoàn 1 Ky Binh, Sư Đoàn 23 Bộ Binh, Sư Đoàn 101 Nhảy Dù, Lữ Đoàn 1 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Lữ Đoàn 3 của Sư Đoàn 82 Dù, Lữ Đoàn 173 Dù, Lữ Đoàn 196 Khinh Binh, Liên Đoàn 108 Pháo Binh, Lực Lượng 3 Viễn Chinh gồm 2 Sư Đoàn 1 và 3 TQLC, Lữ Đoàn 3 Thủy Bộ.

- Riêng về Thiết Giáp, có 24 Thiết Đoàn với 2900 xe tăng và xe bọc thép. Pháo Binh có 84 Tiểu Đoàn với 1500 cỗ pháo 105 ly, 155 ly và 175 ly.

Ngoài ra còn có thêm Lữ Đoàn 18 Quân Cảnh, Liên Đoàn 5 Lực Lượng Đặc Biệt, Lữ Đoàn 1 Trực Thăng và nhiều đơn vị yểm trợ, tiếp vận khác.

Quân số Thủy Quân Lục Chiến lúc cao nhất là 81,000 người.

HẢI QUÂN.

Vào thời điểm cao nhất tháng 4-1969, hải quân Mỹ tại Việt Nam có khoảng 36.000 người, Lực Lượng Duyên Phòng có 400 người. Trang bị khoảng 267 tàu hải quân các loại.

- Hạm Đội 7 Thái Bình Dương trong chiến đấu cũng từng được tăng cường thêm một số tàu chiến của Hạm đội 5.

- Các Giang Đoàn Đặc Nhiệm 115, 116, 117.

KHÔNG QUÂN:

- Bộ Tư lệnh Không Quân Chiến Lược (SAC - Strategic Air Command) (65-73).
- Bộ Tư lệnh Không Quân Chiến Thuật (TAC - Tactical Air command) (62-73).
- Bộ Tư lệnh Vận Tải Hàng Không Quân Sự (MAC - Military Airlift Command).
- Không Lực 7 (7th Air Force) gồm các Không Đoàn 3, 12, 35, 366, 31, 37 Chiến Đấu và Phóng Pháo; Sư Đoàn 834 Vận Tải Chiến Thuật, và nhiều Không Đoàn Thám Sát, Tác Chiến Đặc Biệt và Yểm Trợ, Kỹ Thuật.

Vào thời điểm cao nhất tháng 4-1969, Không quân Mỹ có khoảng 61.400 người, trang bị 4,050 máy bay trong đó có 768 máy bay chiến đấu và 2,668 máy bay trực thăng.

U.S. Military in Vietnam War

In 1955, facing the growth and expansion of the Communist bloc in South East Asia, President Dwight Eisenhower pledged his firm support to the Republic of Vietnam to fight against the guerrillas supported by Communist North Vietnam. The U.S. Military Assistance Advisory Group (MAAG) - establish in September 1950 in Indochina - now was responsible for all activities to support the ARVN.

As the war escalated, U.S. decided to send combat troops to Vietnam. Two thousand soldiers of the 9th Marine Expeditionary Brigade landed on Danang beach on March 8, 1965. Eight years later, tired and impatient because of the costly, bloody war, the American public opinion altered. U.S. government was forced to reach a deal with the enemy in order to end the war for American soldiers could repatriate and the POW could be released soon.

On March 29, 1973, the last American soldiers left Vietnam after the Paris Accords was signed on January 7, 1973.

According to the U.S. Congressman Press Release, there were 2,709,918 Americans served in uniform in Vietnam. Some other source gave the total of 3,525,000. At its height in April 1969, the U.S. Army had about 363,000 personnel.

Allies casualties

The U.S.: 58,148 KIA, 153,303 WIA, 1587 MIA. Of 776 POW, 116 died in captivity.

Republic of Vietnam: 254,256 KIA, Republic of Korea: 5099 KIA, 14,232 WIA, 4 MIA; Australia: 426 KIA, 3129 WIA, 6 MIA; Thailand: 351 KIA, 1358 WIA; New Zealand: 37 KIA, 187 WIA; the Philippines: 9 KIA, 64 WIA, Republic of China: 26 KIA. There were about 391,000 South Vietnamese civilians killed in the war

Enemy casualties:

North Vietnam Army and Viet Cong lost 1,062,000 soldiers, Communist China 1,336 KIA, Soviet Union: 16 KIA, North Korea and Cuba: unknown.

US Army in Vietnam:

I Field Force was responsible for operations in the II Corps Tactical Zone. It controlled 1st Cavalry Division (Airmobile), 4th Infantry Division, 3rd Brigade of 25th Infantry Division, 1st Brigade of 101st Airborne Division, 173rd Airborne Brigade, 41st Artillery Group, 52nd Artillery Group, 54th Signal Battalion, and 77th Radar Group.

II Field Force's area of responsibility was III Corps Tactical Zone. It controlled 1st Infantry Division, 9th Infantry Division, 25th Infantry Division, 101st Airborne Division, 1st Cavalry Division (Airmobile), 3rd Brigade of 82nd Airborne Division, 3rd Brigade of 4th Infantry Division, 173rd Airborne Brigade, 196th Light Infantry Brigade, 199th Light Infantry Brigade, 11th Armored Cavalry Regiment, 12th Combat Aviation Group, 23rd Artillery Group, 54th Artillery Group, 53rd Signal Battalion, 1st Australian Task Force, Royal Thai Army Volunteer Force,

- XXIV Corps; responsibility was I Corps Tactical Zone. It controlled 1st Cavalry Division (Airmobile), 23rd Infantry Division (Americal), 101st Airborne Division (Airmobile), 1st Brigade of 5th Infantry Division (Mechanized), 3rd Brigade of 82nd Airborne Division, 173rd Airborne Brigade, 196th Infantry Brigade (Light), 108th Artillery Group, III Marine Expeditionary Force, 3rd Marine Amphibious Brigade

There were 24 Armored Regiments with 2900 tanks and armored vehicles, 84 Artillery Battalions with 1500 pieces of artillery (105 mm, 155 mm, and 175 mm howitzers); 18th Military Police Brigade, 5th Special Forces Group, and 1st Helicopter Brigade.

Navy and Marine Corps

Had at its height in April 1969 about 39,000 seamen, 81,800 marines, 400 personnel in Coast Guard.

There were about 267 ships of various types.

The 7th Fleet (at times reinforced by the 5th Fleet), III Marine Amphibious Force, 1st and 3rd Marines Divisions, 115th, 116th, and 117th Riverine Task Force Squadrons.

Air Force:

Strategic Air Command, Tactical Air Command, Military Airlift Command and 7th Air Force (consisting of 6 Fighter and Bomber Wings, 834th Tactical Airlift Division and many other Reconnaissance, Maintenance, and Support Wings.).

At its height, had 61,000 personnel with 4,050 aircraft of them 768 were fighter aircraft and 2668 were helicopters.



Toán Cố Vấn Viện Trợ Quân Sự
US Military Assistance Advisory Group



Bộ Tư Lệnh Viện Trợ
US MAC-V



Bộ Tư Lệnh Quân Lực Mỹ
tại VN
U.S. Army Vietnam



Lực Lượng Dã Chiến 1
I Field Force



Lực Lượng Dã Chiến 2
II Field Force

Các Đơn Vị Hoa Kỳ Tham Chiến tại Việt Nam

U.S. Major Units Involved in Vietnam War



Bộ Tư Lệnh Không Quân
Chiến Lược
Strategic Air Command



Bộ Tư Lệnh Không Quân
Chiến Thuật
Tactical Air Command



Không Lực Thái Bình
Dương
Pacific Air Force



Bộ Tư Lệnh Không Quân
Biệt Kích
Special Operations Command



Đệ Thất Không Lực
7th Air Force



Không Đoàn 3 CT
3rd Tactical Wing



Không Đoàn 12 CT
12th Tactical Wing



Không Đoàn 31 CT
31st Tactical Wing



Không Đoàn 35 CT
35th Tactical Wing



Không Đoàn 37 CT
37th Tactical Wing



Không Đoàn 366 CT
366th Tactical Wing



Bộ Tư Lệnh Không Quân Trữ Bị
Air Force Reserve Command



Bộ Tư Lệnh Không Vận
Military Airlift Command



Sư Đoàn 834 Vận Tải
834th Airlift Division



Không Đoàn 315 Vận Tải
315th Airlift Wing



Không Đoàn 315 Hành Quân Đặc Biệt
315th Special Ops Wing



Liên Đoàn 315 Bảo Trì
315th Maintenance Group



Phi Đoàn 1 Biệt Kích
1st Special Ops. Squadron.



Phi Đoàn 311 Biệt Kích
311th Air Commando Sq.



Phi Đoàn Yểm Trợ Hành Quân
315th Mission Support Sq.



Phi Đoàn 4 Không Ảnh
4th Combat Camera Squadron

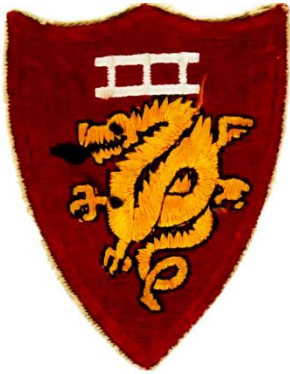


Phi Đoàn 317 và 701 Không Vận
317th and 701st Airlift Squadrons



Lữ Đoàn 1 Trực Thăng
1st Aviation Brigade

Các Đơn Vị Hoa Kỳ Tham Chiến tại Việt Nam U.S. Major Units Involved in Vietnam War



Lực Lượng 3 Thủy Bộ
3rd Marine Amphibious



Sư Đoàn 1 TQLC
1st Marine Division



Sư Đoàn 3 TQLC
3rd Marine Division



Sư Đoàn 5 TQLC
5th Marine Division



Sư Đoàn 82 Dù
82nd ABN Division



Sư Đoàn 101 Dù
101st ABN Division



Liên Đoàn 5 LLDB
5th Special Forces



Lữ Đoàn 173 Dù
173rd ABN Brigade



Sư Đoàn 1
Không Kỳ
1st Air Cavalry



Quân Đoàn 24
XXIV Army Corps



Vài Đơn Vị LLDB
Some Special Forces Units



Quan Sát & Điều Nghiên
Study & Observation Group



Các Đơn Vị Hoa Kỳ Tham Chiến tại Việt Nam U.S. Major Units Involved in Vietnam War



Sư Đoàn 1 BB
1st Infantry Div.



Sư Đoàn 4 BB
4th Infantry Div.



Sư Đoàn 9 BB
9th Infantry Div.



Sư Đoàn 25 BB
25th Infantry Div.



Sư Đoàn Americal
Americal Div.



11th Infantry Bde.
Americal Div.



Lữ Đoàn 196
Khinh Binh
196th Light Inf. Bde.



Lữ Đoàn 199
Khinh Binh
199th Light Inf. Bde.



Liên Đoàn 52 Pháo Binh
52nd Artillery Group



Liên Đoàn 108
Pháo Binh
108th Artillery Group



11th Armored
Cavalry



Liên Đoàn 41 Pháo Binh
41st Artillery Group



Lữ Đoàn 1 Truyền Tin
1st Signal Bde.



Lữ Đoàn 160 Truyền Tin
160th Signal Bde.



Tiểu Đoàn 53 Truyền Tin
53rd Signal Bn.



Trung Đoàn 28/SĐ1BB
28th Regiment, 1st ID

Các Đơn Vị Hoa Kỳ Tham Chiến tại Việt Nam

U.S. Major Units Involved in Vietnam War



Đệ Thất Hạm Đội
7th Fleet



Hải Quân Hoa Kỳ VN
US Naval Force



Cố Vấn Hải Quân
Naval Advisory Froup



Giang Đoàn 2
2nd Riverine Sqdn.



Giang Đoàn 3-47
Riverine Force



Giang Đoàn 115
115th Riverine Sqdn.



Giang Đoàn 116
116th Riverine Sqdn.



Giang Đoàn 117
117th Riverine Sqdn.



Tháo Gỡ Mìn Bẫy
Underwater Demolotion Team



Các Đơn Vị Yểm Trợ
Naval Support Activity



BCH Tiếp Vận
Logistical Command



Lữ Đoàn 44 Quân Y
44th Medical Bde.



Lữ Đoàn 18
Quân Cảnh
18th MP Brigade

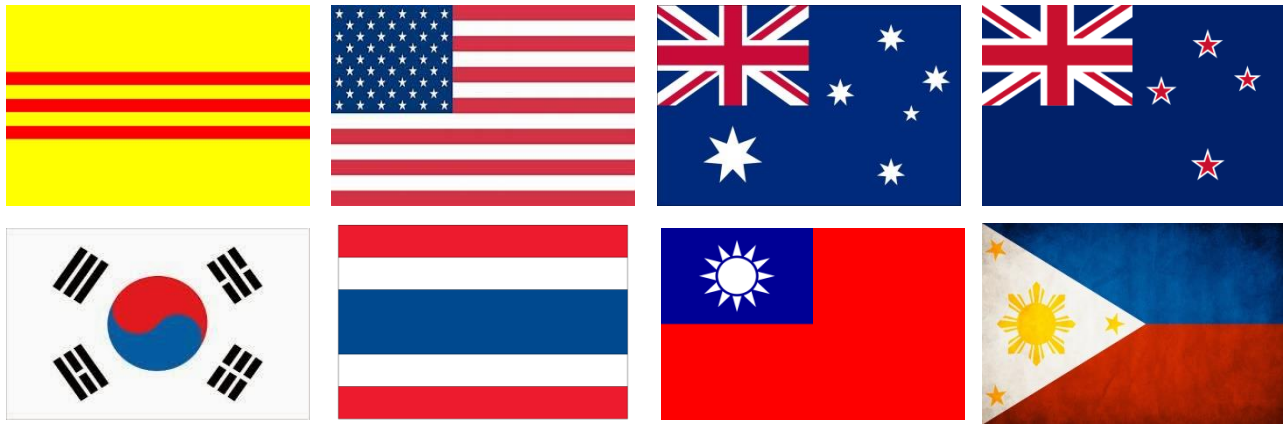


BCH Truyền Thông
Chiến Lược
Strategic Communication
Command



Lữ Đoàn 18
Công Binh
18th Engineer Bde.

Phù Hiệu các Đơn Vị Quân Đội Đồng Minh Khác Patches of Other Allies Military Involved in Vietnam War



Facing the threat of communist expansion in South East Asia, Vietnam was considered “the Outpost of the Free World”. Beside the U.S., six other Asian countries committed to the fight in Vietnam War. Republic of Korea, Australia, New Zealand and Thailand sent combat troops. Republic of China sent advisory teams, the Philippines sent Medical units to help in civil action fields.

Korea: The three Korean main units deployed to Vietnam were the Marine Corps Blue Dragon Brigade, the Army Capital Division and the White Horse Division. Their tactical area of responsibility was the southern half of the 1st Military Region. A total of 320,000 South Koreans served in the Vietnam War, with a peak strength at around 48,000 with 5,099 KIA, 14,232 WIA and 4 MIA.

Thailand: On September 29, 1964, Thailand sent to Vietnam several teams of the Royal Thai Air Force. In 1967, Thailand committed the Royal Thai Volunteer Regiment (aka Queen’s Cobra). In 1968, the regiment was replaced by Royal Thai Army Expeditionary Division (aka Black Panthers). These units were deployed in Bien Hoa Province of the 3rd Military Region. About 40,000 Thai military served in South Vietnam, with 351 killed in action and 1,358 wounded.

Australia and New Zealand: On May 27, 1965 Australia deployed the 1st Battalion, Royal Australian Regiment (1 RAR) accompanied by a troop of armored personnel carriers (APC) from the 4th/19th Prince of Wales’s Light Horse as well as logistics personnel. They were attached to the US 173rd Airborne Brigade along with a New Zealand artillery battery. They undertook several operations in Biên Hòa Province. In April 1966, 1st Australian Task Force (1st ATF) was established in Phước Tuy Province, based at Nui Dat. 1st ATF consisted of two (and after 1967 three) infantry battalions, a squadron of armored personnel carriers from the 1st APC Squadron and a detachment of the Special Air Service Regiment (SASR) under the command of the 1st Australian Logistic Support Group (1st ALSG) based in Vũng Tàu. A squadron of Centurion tanks was added in December 1967. New Zealand infantry units were also deployed in 1967 and were integrated into Australian battalions serving with 1st ATF after March 1968. These combined battalions being designated "ANZAC Battalions". Special forces from the New Zealand Special Air Service were also attached to each Australian SASR squadron from late 1968.

Australia suffered 426 KIA, 3129 WIA and 6 MIA; New Zealand: 37 KIA and 187 WIA; the Philippines: 9 KIA and 64 WIA, Republic of China: 26 KIA.

Các Đơn Vị Quân Đội Đồng Minh Khác

Other Allies Military Involved in Vietnam War

Trong cuộc đối đầu với sự bành trướng của phe Cộng Sản, Việt Nam Cộng Hòa được xem là Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do tại vùng Đông Nam Á. Vì thế, ngoài Hoa Kỳ, có thêm 6 quốc gia trong vùng đã tham gia vào lực lượng Đồng Minh sát cánh bên quân đội Việt Nam và Hoa Kỳ. Đó là:

Cộng Hoà Cao Ly (Đại Hàn), Thái Lan, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan gửi quân chiến đấu. Trung Hoa Dân Quốc gửi phái bộ cố vấn về Chiến Tranh Chính Trị, Philippines gửi các đoàn gồm bác sĩ, y tá để tham gia các công tác Dân Sự Vụ.

Đại Hàn

Đại Hàn có ba đại đơn vị: Lữ Đoàn Thanh Long Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn Mãnh Hồ và Sư Đoàn Bạch Mã thuộc Lục Quân. Các đơn vị này hoạt động trong vùng phía nam của Quân Khu 1. Quân số tham chiến là 320,000 lượt. Lúc cao nhất có mặt tại Việt Nam là 48,000 binh sĩ. Đại Hàn gánh chịu tổn thất gồm 5099 binh sĩ tử trận, 14,232 binh sĩ bị thương và 4 binh sĩ mất tích.

Thái Lan

Ngày 29 tháng 9 năm 1964, Thái Lan gửi đến Việt Nam nhiều toán thọc Không Lực Hoàng Gia Thái để giúp Không Quân Việt Nam. Đến năm 1967, Thái Lan gửi quân chiến đấu là Trung Đoàn Quân Chí Nguyện, có biệt danh là Mãng Xà Vương, Năm 1968, đơn vị này được thay thế bằng Sư Đoàn Viễn Chinh Hoàng Gia có biệt danh là Hắc Báo. Vùng trách nhiệm của quân đội Thái Lan là tỉnh Biên Hoà thuộc Quân Khu 3.

Quân số tham chiến của Thái lúc cao nhất là 40 ngàn binh sĩ. Họ chịu sự tổn thất 351 binh sĩ tử trận và 1358 bị thương.

Úc và Tân Tây Lan

Ngày 27 tháng 5, 1965 Úc gửi đến Việt Nam Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 1 Hoàng Gia Úc cùng đơn vị thiết vận xa (APC) của Lữ Đoàn 4th/19th Prince of Wales's Light Horse và những quân nhân tiếp vận. Cùng với Pháo Đội của Tân Tây Lan, các đơn vị Úc này được tăng phái cho Lữ Đoàn 173 Dù của Hoa Kỳ, hoạt động trong khu vực tỉnh Biên Hoà. Qua tháng 4 năm 1966, Họ thành lập Lực Lượng Đặc Nhiệm 1, đóng tại Căn Cứ Núi Đất, Phước Tuy. Lực Lượng này bao gồm một Liên Đoàn Thiết Vận Xa và được tăng phái đơn vị của Trung Đoàn Không Quân Đặc Vụ (Special Air Service Regiment (SASR)). Tất cả đặt dưới quyền chỉ huy của Liên Đoàn 1 Yểm Trợ Tiếp Vận có căn cứ tại Vũng Tàu. Cuối năm 1967, lại có thêm một đơn vị xa thiết giáp Centurion.

Các đơn vị Bộ Binh Tân Tây Lan cũng được gửi đến Việt Nam năm 1967 và được bổ sung vào lực lượng Úc vào tháng 3 năm 1968 để trở thành Liên Đoàn ANZAC. Ngoài ra, còn có Lực Lượng Đặc Biệt Tân Tây Lan tăng cường cho Lực Lượng Đặc Biệt Úc từ cuối năm 1968.

Úc chịu sự tổn thất 426 binh sĩ tử trận, 3,129 bị thương và 6 mất tích. Tân Tây Lan có 37 tử trận, 187 bị thương.

Tuy không tham chiến, nhưng Philippines cũng có 9 binh sĩ tử thương và 64 bị thương; Trung Hoa Dân Quốc có 26 tử thương.

Phù Hiệu các Đơn Vị Quân Đội Đồng Minh Khác Patches of Other Allies Military Involved in Vietnam War



Australia Special Air Service Regiment



Không Quân Hoàng Gia Australia
Royal Australian Air Force



Australia 4th/19th Prince of Wales's Light Horse Cap Badge



New Zealand Special Air Service Regiment



Sư Đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn
Army Capital Division



TQLC Đại Hàn
Korean Marine Corps



Sư Đoàn Bạch Mã Đại Hàn
White Horse Division



Pháo Binh Tân Tây Lan
NZ Artillery



Sư Đoàn Viễn Chinh Thái Lan
Thai Army Expeditionary Division



Không Quân Hoàng Gia Thái Lan
Thai Royal Air Force



Trung Đoàn Mãng Xà Vương Thái Lan
Thai Volunteer Regiment

Các Phù Hiệu Cảnh Sát National Police Badges

Cảnh Sát Quốc Gia là tổ chức bán quân sự, không trực thuộc Bộ Quốc Phòng và Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Tuy nhiên, trong thời gian chiến tranh, nhân viên Cảnh Sát các cấp đã đóng góp tích cực trong việc bảo vệ trị an, khám phá các tổ chức gián điệp, phá hoại của địch.

Many people have a misconception that the National Police was an ARVN branch. Instead, it was a paramilitary branch of the Department of Interior. During the war, the National Police had a great contribution in maintaining order, enforcing laws and discovering the enemy's intelligence activities.



Các Chuyên Ngành của Cảnh Sát
Major Branches of National Police



Cảnh Sát Dã Chiến
Field Police

Học Viện CSQG
Police Academy



Phù hiệu Cảnh Sát cũ
Old Police cap badge
(pre-1964)



Công An
Public Security,
(pre-1954)



CSDC Đô Thành
Capital Field Police



Kiểm Soát Tài Nguyên
National Resource Control



Các đơn vị Cảnh Sát Dã Chiến
Field Police Units



Phù hiệu Giang Cảnh và Người Nhái Cảnh Sát
Police River Patrol and Frogmen

Phù Hiệu Nón - Cap Badges



Lục Quân (cấp Tướng có 1 sao ở trên)
Army (A star at the top indicated General officer)



Không Quân
Air Force



Hải Quân
Navy



Địa Phương Quân
Regional Force



Đại Học CTCT
Polwar College



Trường Võ Bị Quốc Gia
National Military Academy



Trường Quân Y
Military Medical School



Trường Bộ Binh
Infantry School



Trường Hạ Sĩ Quan
NCO School



Phù Hiệu Nón Cap Badges



Lục Quân
Army



Không Quân
Air Force



Hải Quân
Navy



Quân Cảnh
Military Police



SVSQ/CTCT
Polwar Cadet



SVSQ/Võ Bị
National Military Academy



Beret Lực Lượng Đặc Biệt
Special Forces



Beret Nhảy Dù
Airborne



Beret Biệt Động Quân
Ranger



Nón Nữ Quân Nhân
Women's Army Corp



Beret Sĩ Quan Lục Quân
Army



Beret Sĩ Quan Thiết Giáp
High Ranking Armored Corps

Phù Hiệu Nón Beret

Beret Badges



Từ trái qua: Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Lực Lượng Đặc Biệt
Beret Badges, from left: Airborne, Marine Corps, Special Forces



Từ trái qua: Biệt Động Quân, Thiết Giáp (Binh Sĩ), Thiết Giáp (Sĩ quan)
Beret Badges, from left: Ranger, Armored Corps (Enlisted, Officers)



Phù Hiệu Beret Thiết Giáp (Sĩ Quan Cao Cấp)
Armored Corps (High Ranking Officers)



Từ trái qua: Trường Bộ Binh, Trường Võ Bị Quốc Gia, Người Nhái, Nữ Quân Nhân
From left: Infantry School, National Military Academy, Frogman, Women's Army Corps

Phù Hiệu Nón Cap Badges



Army Officer Badge
Pre 1964



Army Officer Badge
Post 1964



Địa Phương Quân
Regional Force



Military Police



Huy Hiệu Chuyên Môn – Qualification Badges



Quân Cụ
Ordonance



Pháo Binh
Artillery



Lực Lượng Đặc Biệt
Special Forces



Bộ Binh
Infantry



Quân Y
Medics



Quân Nhạc
Military Band



Thiết Giáp- Armored



Quân Cảnh - MP



Phù hiệu Beret Biệt Động Quân
Ranger Beret Badges

Băng Viễn Thám
Reconnaissance Badge



Băng Biệt Động Quân
Ranger Badges



Băng Truyền Tin
Signal Badges

Huy Hiệu Chuyên Môn – Qualification Badges



Băng Rừng Núi Sinh Lầy
Ranger Badge (Forest, Mountain, Swamp Training)



Hải Quân
Navy



Băng Nhảy Dù Huấn Luyện Viên
Parachutist Trainer Badge



Băng Nhảy Dù Mỹ
U.S. Parachutist Badge



Huy hiệu Lục Đại Chiến
Polwar Insignia

Băng Nhảy Dù Căn Bản
Parachutist Badge



Băng Thiết Giáp
Armored Corps Badge



Thám Sát Tỉnh
Provincial Recon. Unit

Huy Hiệu Phi Công Thâm Niên
Master Command Pilot



Huy Hiệu Sinh Viên Phi Công
Pilot Cadet Badge

Vài Phù Hiệu Nón cũ Old Hat Badges



Các phù hiệu nón Lục Quân trước 1963
Pre 1963 Army Cap Badges



Các phù hiệu nón Hải Quân và Không Quân trước 1963
Pre 1963 Navy and Air Force Cap Badges



Các phù hiệu nón thời 1963 (Chỉ dùng một thời gian rất ngắn)
Cap Badges used only in a short period of time in 1963.
(Hải Quân, Lục Quân, Không Quân – Navy, Army, Air Force)

Vài Phù Hiệu Nón cũ Old Hat Badges



Phù Hiệu Beret LLDB cũ
Old Special Forces Beret Badge



Phù hiệu Bảo An
Old RF Badge



A Soldier of the Presidential
Palace Defense Brigade



Phù hiệu thời Vua Bảo Đại
Cap Badge of Royal Guards



Phù hiệu nón Nữ Lâm Quân
Royal Guard Brigade



Lục Quân Công Xưởng
Army Machine Factory



Phù hiệu nón Hải Quân 1964
Navy Cap Badge 1964



Phù Hiệu Nón Thủy Thủ trước và sau 1964
Seamen Cap Badge prior and after 1964



Phù Hiệu Beret Hải Thuyền (cũ)
Sau trở thành Giang Đoàn của Hải Quân
Beret Badge of Junk Force (Old)

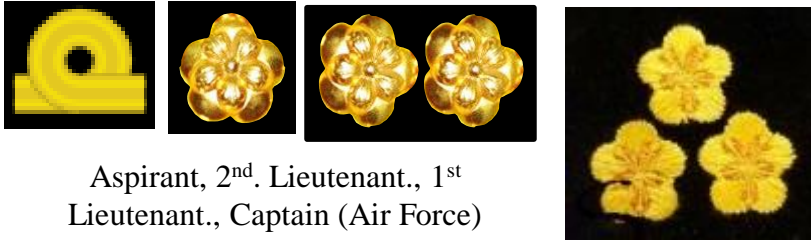


Cấp Hiệu

Rank Insignia



Aspirant, 2nd. Lieutenant., 1st Lieutenant., Captain (Army)



Aspirant, 2nd. Lieutenant., 1st Lieutenant., Captain (Air Force)



Thiếu Tá
Major
(Army)



Thiếu Tá
Major, AF



Trung Tá
Lt. Colonel, AF



Đại Tá
Colonel, AF



Trung Tá
Lt. Colonel (Army)



Đại Tá
Colonel (Army)



Đeo trên cổ áo
Worn on collars

Cấp Tướng
Generals



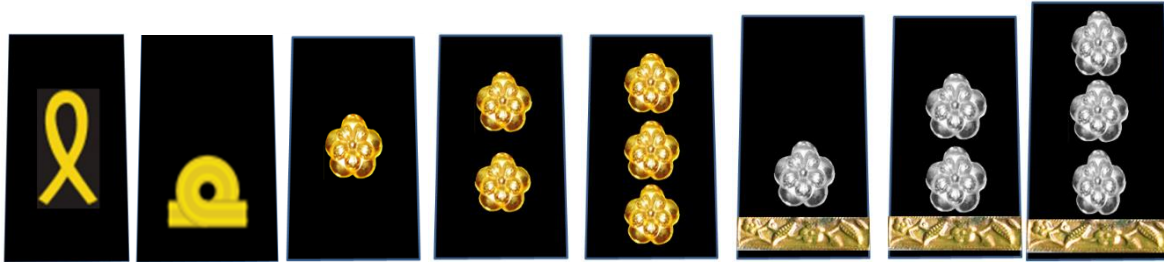
Đeo trên nón
Worn on caps



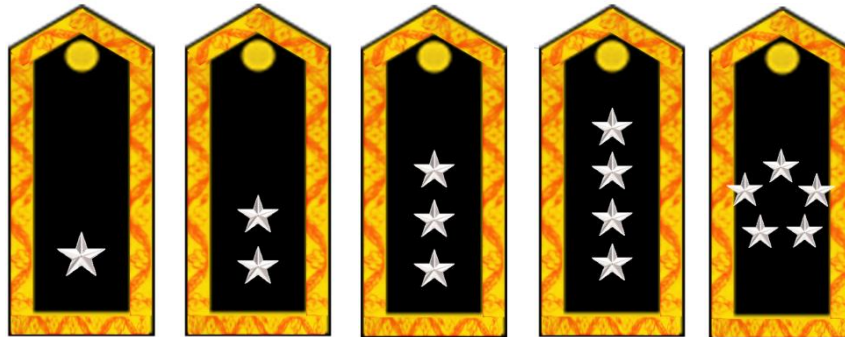
Từ trái: SVSQ Hải Quân năm thứ 2, Võ Bị Quốc Gia năm thứ 4, Chuẩn Úy, Đại Úy, Đại Tá, Thủy Sư Đô Đốc
From left: Epaulette of senior cadet of Navy Academy, National Military Academy, Army Aspirant, Army Captain, Army Colonel, Fleet Admiral

Cấp Hiệu Sĩ Quan – Army Officers Rank Insignia

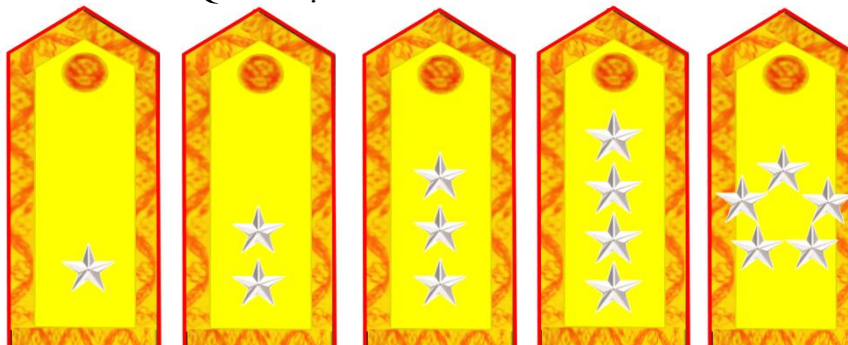
Cadet, Aspirant, 2nd Lieutenant, 1st Lieutenant, Captain, Major, Lt. Colonel, Colonel, Brigade General, Major General, Lt. General, General, General of the Army



Quân Phục Làm Việc – Working Uniforms



Quân Phục Tiểu Lễ - Dress Uniforms

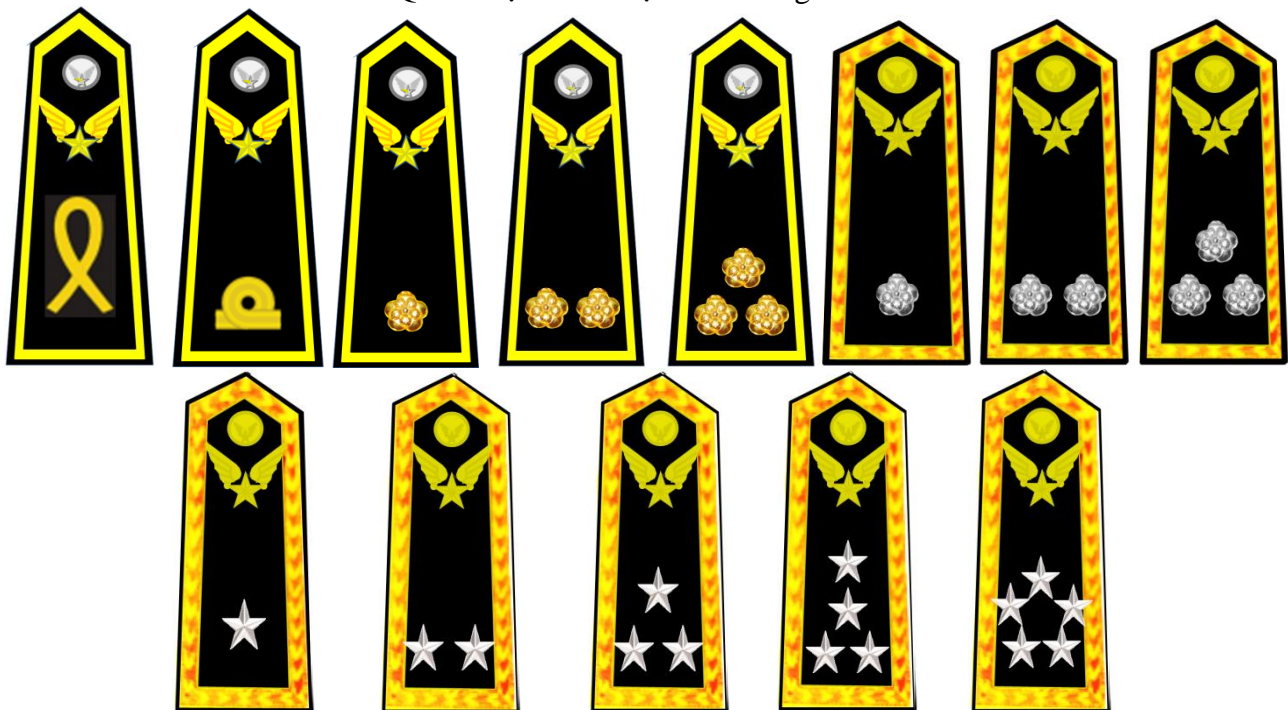


Quân Phục Đại Lễ (cấp Tướng)- Full Dress Uniforms (Generals)

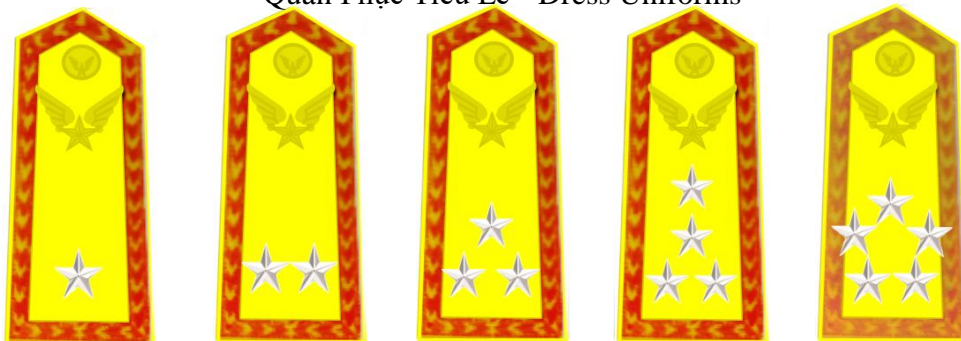
Cấp Hiệu Sĩ Quan – Air Force Officers Rank Insignia



Quân Phục Làm Việc – Working Uniforms

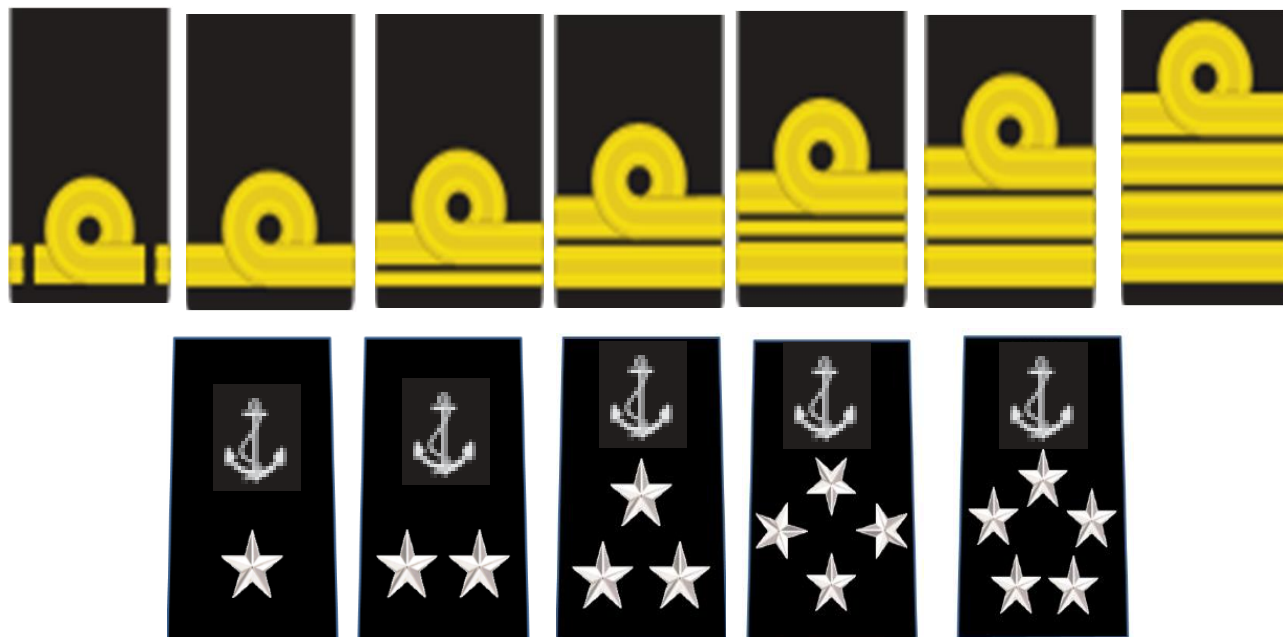


Quân Phục Tiểu Lễ - Dress Uniforms



Quân Phục Đại Lễ (cấp Tướng)- Full Dress Uniforms (Generals)

Cấp Hiệu Sĩ Quan Hải Quân – Navy Officers Rank Insignia



Warrant Officer, Ensign, Lieutenant JG, Lieutenant, Lt. Commander, Commander, Captain, Rear Admiral Lower Half, Rear Admiral Upper Half, Vice Admiral, Admiral, Fleet Admiral
 Mặc với quân phục làm việc – To be worn with working uniforms



Cadet, Cadet 2, Warrant Officer, Ensign, Lieutenant JG, Lieutenant, Lt. Commander, Commander, Captain, Rear Admiral Lower Half, Rear Admiral Upper Half, Vice Admiral, Admiral, Fleet Admiral
 Mặc với quân phục tiểu lễ hay đại lễ – To be worn with dress uniforms

Cấp Hiệu Sĩ Quan Thủy Quân Lục Chiến

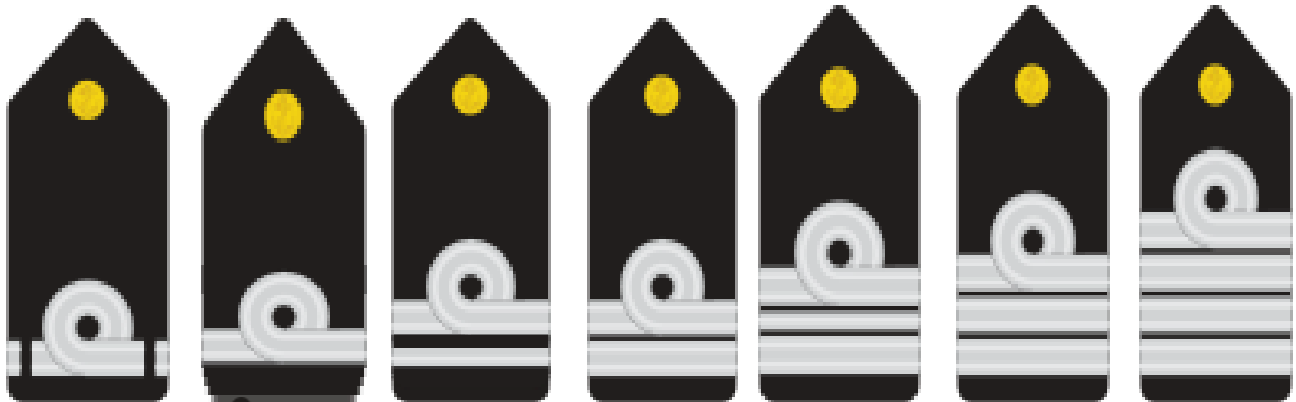
Marine Corps Officers Rank Insignia



Top: Aspirant, 2nd Lieutenant, 1st Lieutenant, Captain, Major, Lt. Colonel, Colonel

Bottom: Generals

Mặc với quân phục làm việc – To be worn with working uniforms



Top: Aspirant, 2nd Lieutenant, 1st Lieutenant, Captain, Major, Lt. Colonel, Colonel

Bottom: Generals

Mặc với quân phục tiêu lễ hay đại lễ – To be worn with dress uniforms

Cấp Hiệu Hạ Sĩ Quan NCO Rank Insignia (Post 1964)

Cấp Hiệu Hạ Sĩ Quan Lục Quân (Post 1964)



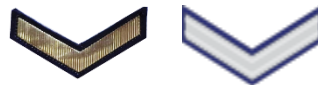
Binh Nhất - PFC



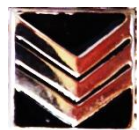
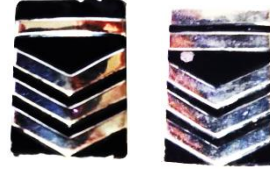
Hạ Sĩ - Corporal



Hạ Sĩ Nhất
Cpl. 1st Class



Trung Sĩ
Sergeant



Trung Sĩ Nhất
Sgt. 1st Class



Thượng Sĩ, Thượng Sĩ Nhất
Master Sgt., Master Sgt. 1st Class



Cấp Hiệu Hạ Sĩ Quan Hải Quân - Navy (Post 1964)



Seaman, Able Seaman, Leading Seaman – Petty Officer, Petty Officer 1st Class,
Chief Petty Officer, Chief Warrant Officer

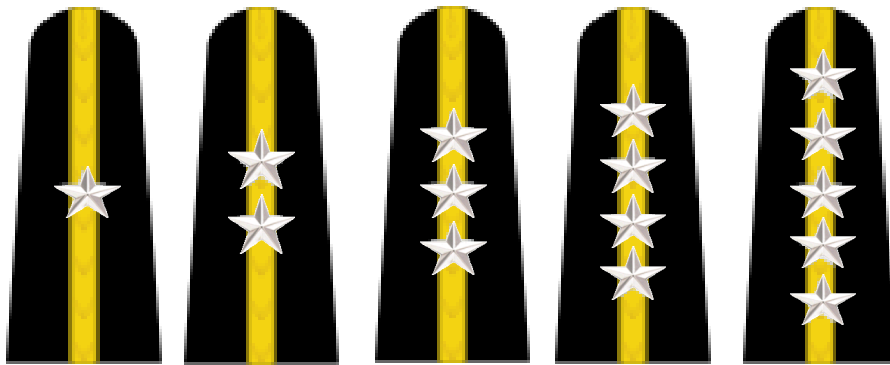


Cấp Hiệu Hạ Sĩ Quan Không Quân – Air Force



Binh Nhì, Binh Nhất, Hạ Sĩ, Hạ Sĩ 1, Trung Sĩ, Trung Sĩ 1, Thượng Sĩ, Thượng Sĩ 1
Pvt, PFC, Cpl, Cpl 1st Class, Sergeant, Sgt. 1st Class, Master Sgt., Master Sgt 1st Class

Cấp Hiệu Cũ trước 1964
Old Rank Insignia prior 1964



Cấp Hiệu Cũ Sĩ Quan Lục Quân - Army (1955 - 1964)



Cấp Hiệu Cũ Sĩ Quan Không Quân - Air Force (1955 - 1964)

Cấp Hiệu Cũ trước 1964 Old Rank Insignia prior 1964



Cấp Hiệu Cũ Sĩ Quan Hải Quân – Navy (1955 - 1964)

(Cadet, Ensign, Lt. Jr. Class, Lt., Lt. Commander, Commander, Captain,
Rear Admiral Lower Half, Rear Admiral Upper Half, Vice Admiral, Admiral, Fleet Admiral)

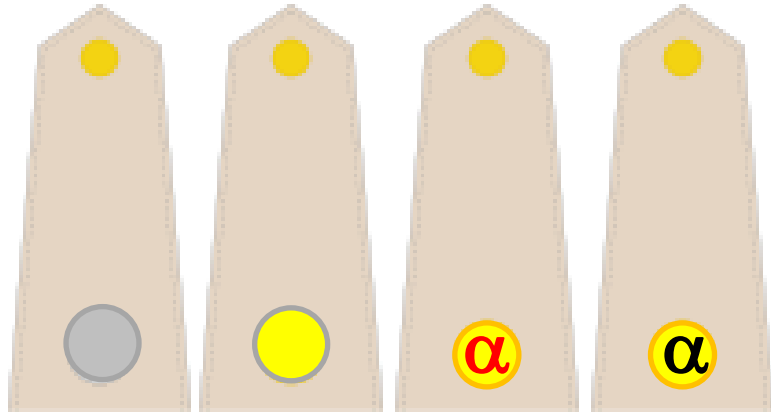


Cấp Hiệu Cũ Sĩ Quan TQLC – Marine Corps (1955 - 1964) From 2nd Lt to Lieutenant General

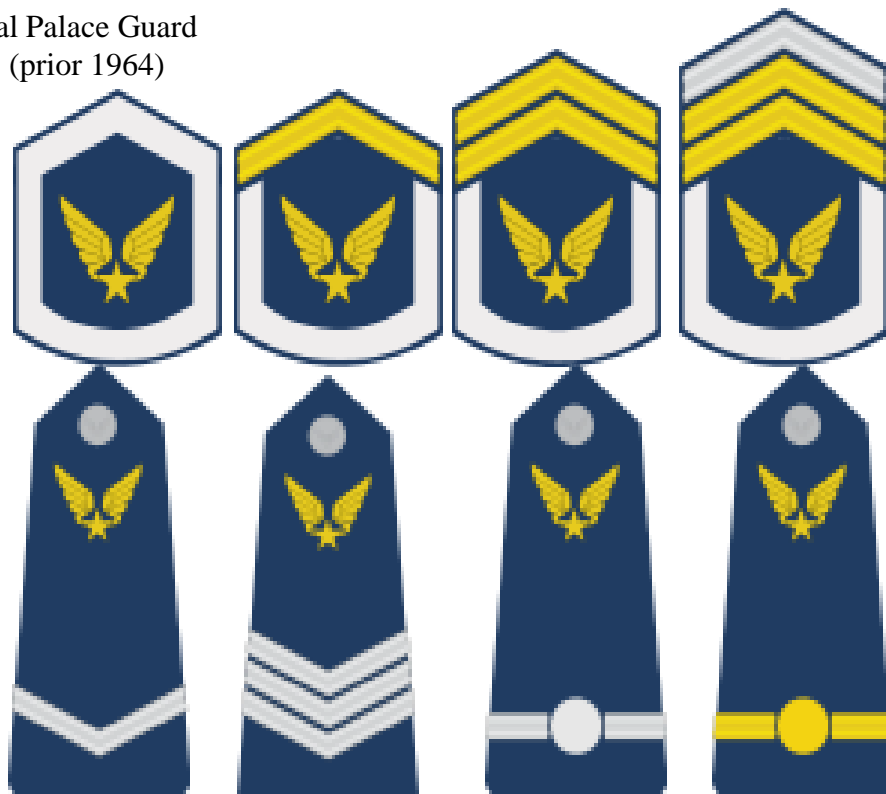
Cấp Hiệu Cũ trước 1967
Old Rank Insignia prior 1967



Cầu Vai Binh Sĩ thuộc Lữ Đoàn
Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống
 Epaulette of Soldiers of the Presidential Palace Guard Brigade (prior 1964)



Hạ Sĩ Quan Lục Quân (1954 - 1967)
 Thượng Sĩ, Thượng Sĩ 1, SVSQ, Chuẩn Úy
 Army NCO Rank Insignia (1954-1967) Master Sgt., Master Sgt 1st Class, Cadet, Aspirant



Cấp Hiệu Cũ Hạ Sĩ Quan Không Quân (1954 - 1967)
 Air Force NCO Rank Insignia (1954-1967)

Cấp Hiệu Cũ trước 1967
Old Rank Insignia prior 1967



Cấp Hiệu Hạ Sĩ Quan Hải Quân – Navy NCO Rank Insignia (1954 - 1964)
 Seaman, Able Seaman, Leading Seaman – Petty Officer, Petty Officer 1st Class,
 Chief Petty Officer, Chief Warrant Officer



Cấp Hiệu Hạ Sĩ Quan Hải Quân – Navy NCO Rank Insignia (1964 - 1967)
 Seaman, Able Seaman, Leading Seaman – Petty Officer, Petty Officer 1st Class,
 Chief Petty Officer, Chief Warrant Officer



Cấp Hiệu Sinh Viên Sĩ Quan (Trường Quân Y, Trường Võ Bị, Trường Bộ Binh)
 From left: Cadets of Military Medical School (Freshman, Junior, Senior), Freshmen
 of National Military Academy, Cadets of Infantry School.

HUY CHƯƠNG QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA



Đệ Nhất đẳng Bảo Quốc Huân Chương



Đệ Nhị đẳng Bảo Quốc Huân Chương



Đệ Tam đẳng Bảo Quốc Huân Chương



Đệ Tứ đẳng



Đệ Ngũ đẳng
Bảo Quốc Huân Chương



Quân Công Bội Tinh
(Dành cho HSQ)



Lục Quân Huân Chương
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Không Lực Huân chương
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Hải Lực Huân Chương
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Biệt Công
Bội Tinh



Lục Quân Vinh
Công Bội Tinh



Không Quân Vinh
Công Bội Tinh



Hải Quân Vinh
Công Bội Tinh



Anh Dũng Bội Tinh
(Với Nhành Dương Liễu, Ngôi sao Vàng, Bạc, Đồng)



Phi Dũng Bội Tinh
(Cánh chim Vàng, Bạc, Đồng)



Hải Dũng Bội Tinh
(Mỏ neo Vàng, Bạc, Đồng)



Ưu Dũng
Bội Tinh



Nhân Dũng
Bội Tinh



Trung Chánh
Bội Tinh



Chiến Thương
Bội Tinh



Danh Dự Bội Tinh
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Chỉ Đạo
Bội Tinh



Tham Mưu Bội Tinh
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Kỹ Thuật Bội Tinh
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Huấn Võ Bội Tinh
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Dân Võ Bội Tinh
(Hạng nhất - Hạng nhì)



Quân Phong
Bội Tinh



Chiến Dịch
Bội Tinh



Quân Vụ
Bội Tinh



Không Vụ
Bội Tinh



Hải Vụ
Bội Tinh



Vị Quốc
Bội Tinh



Nhất Tri
Bội Tinh



CT Ngoại Biên
Bội Tinh - 1971



Phi Công Bắc Tiến
Bội Tinh - 1966

Huy Chương của QLVNCH

ARVN Medals (Order of Precedence)

Theo thứ tự giá trị từ cao đến thấp

Bảo Quốc Huân Chương từ Đệ Nhất Đẳng đến Đệ Ngũ Đẳng, dành cho Sĩ Quan
Quân Công Bội Tinh, dành cho Hạ Sĩ Quan
Lục Quân Huân Chương
Không Quân Huân Chương
Hải Quân Huân Chương
Lục Quân Vinh Công Bội Tinh
Không Quân Vinh Công Bội Tinh
Hải Quân Vinh Công Bội Tinh
Biệt Công Bội Tinh
Anh Dũng Bội Tinh (Nhành Dương Liễu, Ngôi Sao Vàng, Bạc, Đồng)
Phi Dũng Bội Tinh (Cánh bay Vàng, Bạc, Đồng)
Hải Dũng Bội Tinh (Mỏ Neo Vàng, Bạc, Đồng)
Ưu Dũng Bội Tinh
Nhân Dũng Bội Tinh
Trung Chánh Bội Tinh
Chiến Thương Bội Tinh
Danh Dự Bội Tinh
Chỉ Đạo Bội Tinh
Tham Mưu Bội Tinh
Kỹ Thuật Bội Tinh
Huấn Vụ Bội Tinh
Dân Vụ Bội Tinh
Quân Phong Bội Tinh
Chiến Dịch Bội Tinh
Quân Vụ Bội Tinh
Không Vụ Bội Tinh
Hải Vụ Bội Tinh
Chiến Trường Ngoại Biên Bội Tinh
Phi Công Bắc Tiến Bội Tinh
Nhất Trí Bội Tinh
Vị Quốc Bội Tinh
Một số huy chương có hai hạng. Hạng nhất dành cho sĩ quan, hạng hai cho hạ sĩ quan

National Order of the Republic of Vietnam, from 1st to 5th class (for officers)
National Merit Medal, for NCO
Army Distinguished Service Order
Air Force Distinguished Service Order
Navy Distinguished Service Order
Army Meritorious Service Medal
Air Force Meritorious Service Medal
Navy Meritorious Service Medal
Special Service Medal
Gallantry Cross (with Palm, Gold Star, Silver Star, Bronze Star)
Air Gallantry Cross (Gold, Silver, Bronze)
Navy Gallantry Cross (Gold, Silver, Bronze)
Hazardous Service Medal
Lifesaving Medal
Loyalty Medal
Wound Medal
Armed Forces Honor Medal (2 classes)
Leadership Medal
Staff Service Medal
Technical Service Medal
Training Service Medal
Civil Action Medal
Good Conduct Medal
Campaign Medal
Military Service Medal
Air Service Medal
Navy Service Medal
Medal for Campaign outside the Frontier
Air Force Northern Expeditionary Medal.
Unity Medal
Medal of Sacrifice

Cách Đeo Huy Chương

How to Wear Medals and Decorations

Huy chương cá nhân phải được đeo trên túi áo trái, theo thứ tự từ cao nhất đến thấp nhất như sau (từ trái sang phải và từ trên xuống dưới). Huy chương ngoại quốc hay dân sự phải ở vị trí thấp hơn huy chương quân đội VNCH.

Tuyên Công Đơn Vị: Dành để ân thưởng cho các đơn vị có công. Huy hiệu này là chiếc huy chương cuống nằm trong một khung mạ vàng. Nó phải được đeo trên túi áo bên phải.



Dây Biểu Chương: Khi một đơn vị được tuyên dương công trạng trước Quân Đội 2 lần, 4 lần, 6 lần, 8 lần, quân nhân trong đơn vị sẽ được đeo bên vai trái dây Biểu Chương màu Anh Dũng Bội Tinh (vàng), màu Quân Công Bội Tinh (xanh), dây màu Bảo Quốc Huân Chương (đỏ), dây Tam Hợp (ba màu vàng, xanh đỏ). Quân nhân chỉ đeo một dây nào có giá trị cao nhất mà thôi.

Cách đeo dây biểu chương:

Dây biểu chương có 3 vòng. Một vòng lớn do ba dây nhỏ bện với nhau, ở một đầu kết hình hoa thị ba vòng nhỏ; đầu kia có 1 dây nhỏ với một mũi tên đồng. Hai vòng dây đơn ngắn hơn. Khi đeo, vòng lớn này sẽ nằm dưới nách áo bên trái. Phần có hoa thị ở phía sau bên trên vai (chỗ chiếc nút cầu vai); phần dây ngắn có đầu đồng thả lỏng xuống ngực.



Phần có hai vòng là dây chiếc choàng qua trên cánh tay trái như trong hình bên.

Tham khảo: Huy Chương Ân Thưởng trong QLVNCH, Bộ Tổng Tham Mưu ấn hành năm 1969.

Huấn Lệnh Điều Hành Căn Bản về Cấp Hiệu, Quân Phục, Quân Kỳ, Lệnh Kỳ, và Phù Hiệu của QLVNCH, Bộ Tổng Tham Mưu ấn hành (không ghi năm).

Reference: An authoritative official publication on the military awards. Issued by ARVN Joint General Staff 1969.

A color manual of ARVN uniforms, medals, flags, and insignia. Issued by the ARVN Joint General Staff (undated).

ARVN medals - awarded to individuals, must be worn on the left breast pocket from top left to bottom right in the order of precedence. Foreign and/or civilian medals are worn at lower position although they may be at higher value.

Unit Citations - awarded to a whole unit. The citation consists of no medal, but a ribbon encased in gold plated frame. It must be worn at the right breast pocket

Fourragère - An ornamental cord awarded to an entire military unit in recognition of its special gallant actions. It usually looped around the left shoulder of a uniform. When a unit is awarded the Gallantry Cross with Palm twice, four, six or eight times, all personnel can wear the yellow, or blue, or red, or tri-color fourragère, respectively.

Soldiers wear only one fourragère of the highest value.

How to wear the fourragere

The braided cord loops under the arm. Its 3-loop end goes from the back and be connected to the button on the shoulder, close to the neck. The other end is connected by a single cord, with a bronze tip hangs on the chest. The two single cords hang over the left arm.



Huy Chương Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà
ARVN Medals

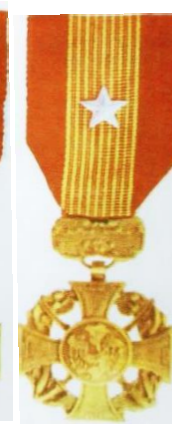


Bảo Quốc Huân Chương từ Đệ Nhất đến Đệ Ngũ Đẳng
 National Order from 1st to 5th Class

Quân Công BT
 Military Merit



Lục Quân, Không Quân, Hải Quân Huân Chương, Lục Quân Vinh Công
 Army, Air Force , Navy Distinguished Service Orders (classes 1 & 2). Army Meritorious Service



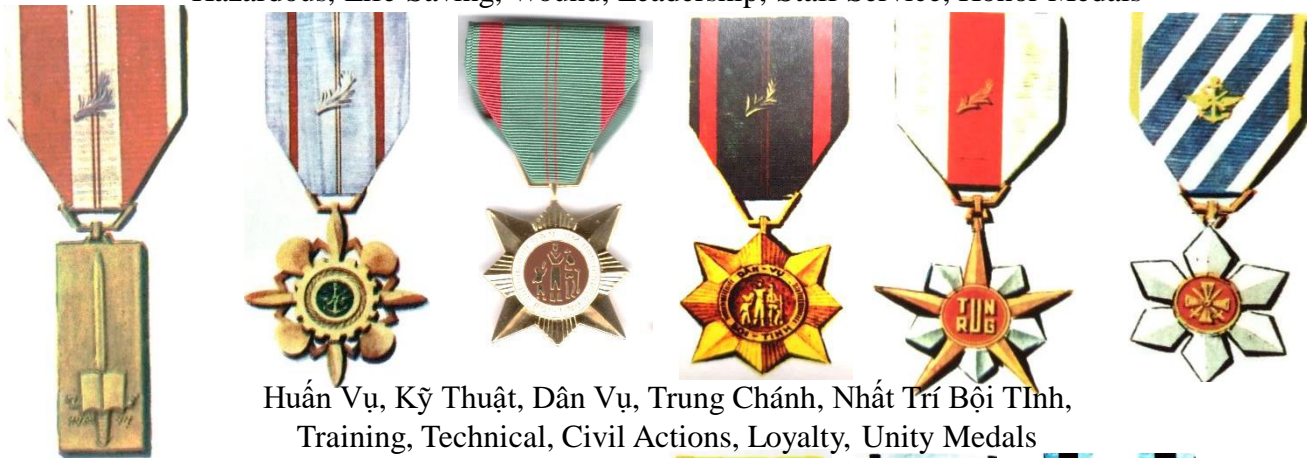
Không Quân Vinh Công , Hải Quân Vinh Công, Biệt Công Bội Tinh và Anh Dũng Bội Tinh
 Air Force, Navy Meritorious Service, Special Service,
 Gallantry Cross with Palm, Gold, Silver and Bronze Star



Phi Dũng Bội Tinh và Hải Dũng Bội Tinh
Air and Navy Gallantry Cross Medals (Gold, Silver, Bronze)



Ưu Dũng, Nhân Dũng, Chiến Thương, Chi Đạo, Tham Mưu, Danh Dự Bội Tinh
Hazardous, Life Saving, Wound, Leadership, Staff Service, Honor Medals



Huấn Vụ, Kỹ Thuật, Dân Vụ, Trung Chánh, Nhất Trí Bội Tinh,
Training, Technical, Civil Actions, Loyalty, Unity Medals



Chiến Trường Ngoại Biên, Quân Phong, Chiên Dịch, Quân Vụ Không Vụ, Hải Vụ Bội Tinh
Campaign Outside the Frontier, Good Conduct, Campaign, Army – Air Force- Navy Service



Bảo Quốc Huân Chương từ
Đệ Nhất xuống Đệ Ngũ Đẳng
National Orders from 1st Class
to 5th Class



Quân Công BT, Lục Quân, Không
Quân, Hải Quân Vinh Công BT,
Ưu Dũng BT, Nhân Dũng BT,
Trung Chánh BT
Military Merit - Army, Air Force,
Navy Meritorious Service –
Hazardous Service - Life Saving - Honor Medal (Classes 1 and 2)
Loyalty.



Lục Quân Huân Chương
hạng Nhất và Nhì
Army Distinguished Service
Orders (Classes 1 and 2)



Không Quân Huân Chương
hạng Nhất và Nhì
Air Force Distinguished Service
Orders (Classes 1 and 2)



Hải Quân Huân Chương
hạng Nhất và Nhì
Navy Distinguished Service
Orders (Classes 1 and 2)



Biệt Công Bội Tinh
Special Service Medal



Danh Dự Bội Tinh
hạng Nhất và Nhì



Phi Dũng Bội Tinh
Cánh Bay Vàng, Bạc, Đồng
Air Gallantry Cross
Gold, Silver, Bronze Wings



Hải Dũng Bội Tinh
Mỏ Neo Vàng, Bạc, Đồng
Navy Gallantry Cross
Gold, Silver, Bronze Anchor



Chiến Thương Bội Tinh
Wounded Medal



Tham Mưu Bội Tinh
hạng Nhất và Nhì
Staff Service (Classes 1 and 2)



Ghi chú: Những Huy Chương
có 2 hạng, hạng Nhất dành cho
Sĩ Quan, hạng Nhì dành cho Hạ
Sĩ Quan.

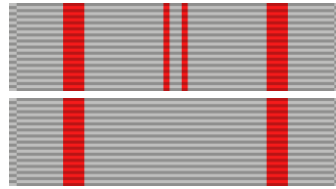
In case the Medal has 2 classes,
The 1st Class is for Officers, the
2nd Class is for NCO's



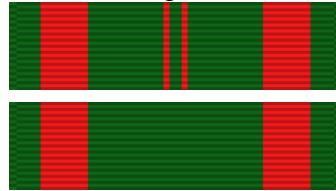
Chỉ Đạo Bội Tinh
Có bảy bảy hạng
Leadership Medal
Seven classes



Quân Vụ Bội Tinh
có năm hạng
Army Service Medal
Five classes



Huấn Vụ Bội Tinh
hạng Nhất và Nhì
Training Service



Dân Vụ Bội Tinh
hạng Nhất và Nhì
Civic Action Medal



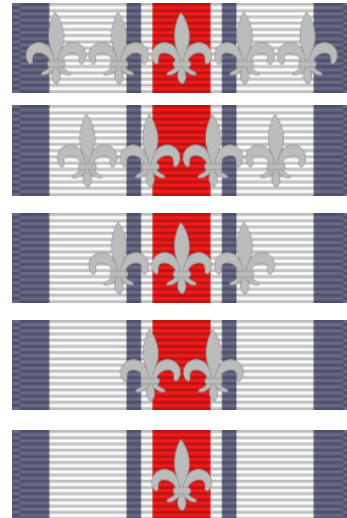
Phi Công Bắc Tiến BT
Northern Expeditionary



Chiến Trường Ngoại Biên BT
Campaign Outside Frontier



Hải Vụ Bội Tinh
có bốn hạng
Navy Service Medal



Quân Phong Bội Tinh
có năm hạng
Good Conduct Medal
Five classes



Chiến Dịch BT
Campaign Medal



Không Vụ Bội Tinh
có bốn hạng
Air Service Medal

Ghi chú: Những Huy Chương có 2 hạng: hạng Nhất dành cho Sĩ Quan, hạng Nhì dành cho Hạ Sĩ Quan.

In case the Medal has 2 classes, The 1st Class is for Officers, the 2nd Class is for NCO's

Images on this page are copied from
https://en.wikipedia.org/wiki/Orders,_decorations,_and_medals_of_South_Vietnam
Attributed to Emperorofvietilia



Huy Chương mini (Miniature Medals)



Huy Chương cuống (Ribbons)

**Các Tuyên Công Đơn Vị
(Unit Citation)**



Tuyên Công của Tổng Thống
Presidential Unit Citation



Anh Dũng Bội Tinh
với Nhành Dương Liễu
Gallantry Cross with Palm



Dân Vụ Bội Tinh
Civic Actions Service



Huy Chương thông (hàng trên: 5 Anh Dũng BT, Chiến
Thương BT, Tham Mưu BT. Hàng dưới: Dân Vụ BT, Quân
Phong BT, Chiến Trường Ngoại Biên BT, Chiến Dịch BT,
Quân Vụ BT)

Full size Medals (Gallantry Cross with Palm, Gold, Silver,
3 Bronze Stars – Wound Medal, Staff Service Medal, Civic
Action Medal, Good Conduct Medal, Campaign outside the
Frontier Medal, Campaign Medal, Army Service Medal)



Bằng Tuyên Dương Công Trạng cấp Quân Đội,
kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu
Certificate of Award
(Armed Forces level Gallantry Cross with Palm)

Ribbon Tuyên Dương Đơn Vị ADBT với Nhành Dương Liễu

Những ribbon làm tại Sài Gòn và ribbon làm tại Hoa Kỳ

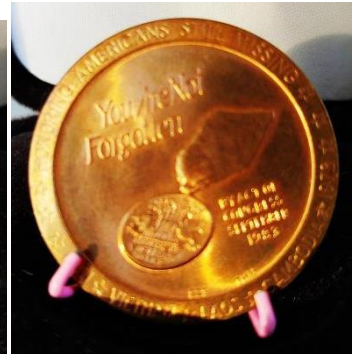


Unit Citation (Gallantry Cross with Palm) - Original ribbon made in Saigon pre 1975 (top) and ribbons made in US post 1975 (bottom)

Left: Gallantry Cross with Palm, with Gold Star.
Right: with Silver Star and 3 with Bronze Star



Anh Dũng BT, Chiến Thương BT và Chiến Dịch BT làm tại Việt Nam (1970)
Original ribbons made in Vietnam prior 1975

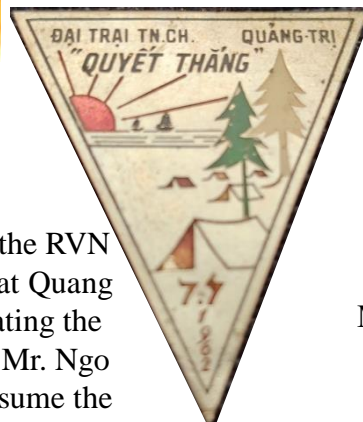


Left: Coin honoring Heroes of Vietnam War
Right: Coin honoring the MIA



Tấm thẻ bài kim khí của một quân nhân ARVN soldier's dog tag

National Summer Camp of the RVN Republic Youth Movement at Quang Tri on July 7, 1962, celebrating the Double Seven Day, the day Mr. Ngo Dinh Diem repatriated to assume the Prime Minister post in 1954.

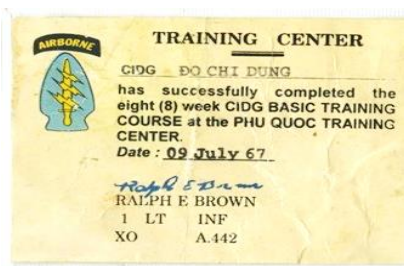


Một con dấu mang tên của cấp Đại Đội Trưởng
A stamp of an Infantry Company Commander

Một Số Giấy Tờ (ID Cards)



Thẻ Quân Nhân (mẫu cũ). Military Service ID Card (old)



Thẻ Dân Sự Chiến Đấu ID Card of a CIDG man



Thẻ Quân Nhân (mẫu mới) Military Service ID Card (new)



Thẻ Biệt Kích Quân Special Force ID Card



Hiến Pháp VNCH Constitution of the RVN



Tem vinh danh Tổng Thống Ngô Đình Diệm Stamp honoring President Ngo Dinh Diem



Tem vinh danh Quân Lực VNCH Stamp honoring the ARVN



Một Số Vật Dụng Đặc Biệt

Popular Items Supplied by the ARVN Post Exchange



Nhãn hiệu bia con cọp
Vietnamese famous beer



Nước ngọt Quân Tiếp Vụ
Soft Drink from Military PX



Bao thuốc lá Ruby Queen Quân Tiếp Vụ
Military PX Cigarettes



Bia Quân Tiếp Vụ
(Military Post Exchange Beer)



Tem Quân Đội dành cho quân nhân (miễn phí)
Military Postage Stamp (free for military)



Self-Conduct Pass for Viet Cong who defected
their cause to the National Government



Don't forget to fill the
water canteens

Tem Thư Vinh Danh QLVNCH Stamps Honoring the Armed Forces



Lính Thú đời xưa - Soldiers of old time



Honoring the Armed Forces Day

Honoring the Wounded Warriors



Ngày ban hành lệnh Tổng Động Viên - General Mobilization



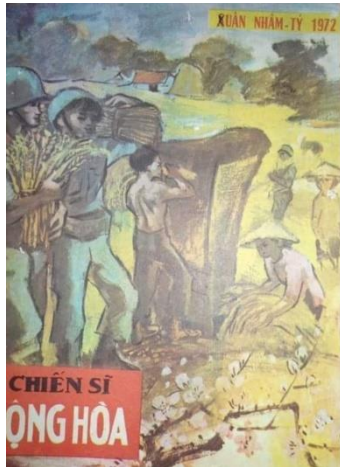
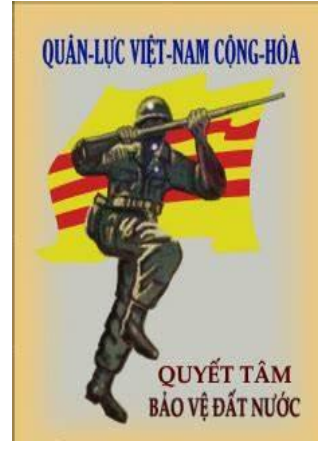
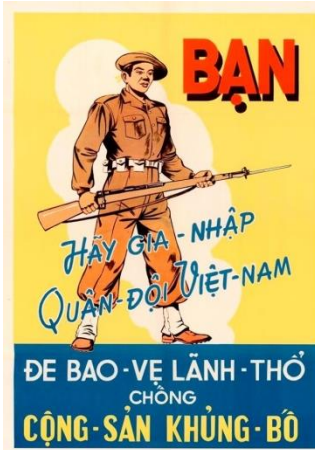
Victory at Quang Tri 1972

Vinh Danh Chiến Thắng An Lộc Bình Long
Stamps honoring the Victory at An Loc 1972



Vinh Danh Lực Lượng Đồng Minh - Honoring the Allied Forces

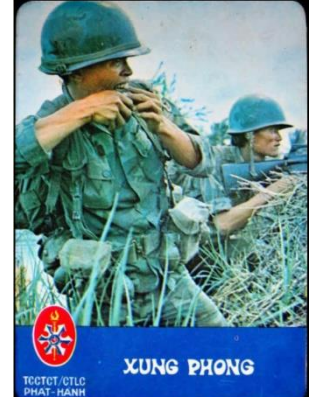
Những bích chương tuyển mộ
Recruiting posters



Bìa Nguyệt San Chiến Sĩ Cộng Hoà
Cover page of Republic's Warriors Magazine



Những bích chương tuyên truyền
Propaganda posters

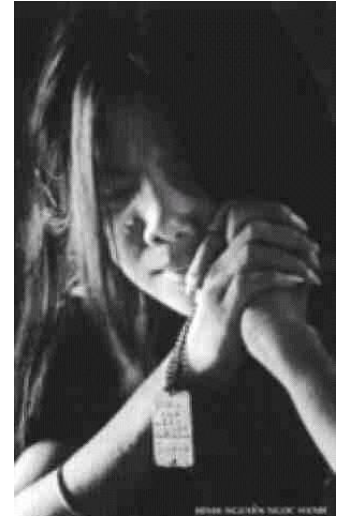




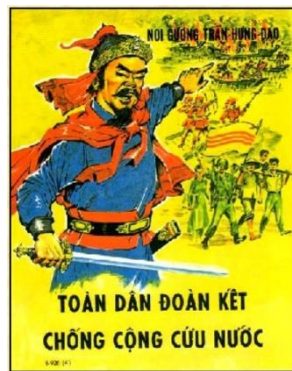
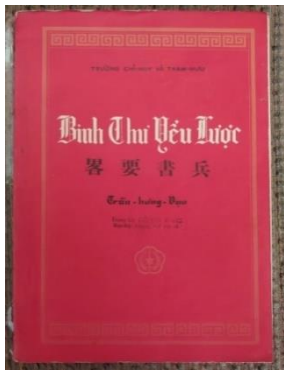
Tượng Thương Tiếc
Statue at Military Cemetery
By Nguyen Thanh Thu



Thiếu phụ vá cờ
Mending the flag
By Nguyen Ngoc Hanh



Widow holding her
husband's dog tag
By Nguyen Ngoc Hanh



Binh Thư Yếu Lược, dạy về Nghệ Thuật
Chiến Tranh của Hưng Đạo Đại Vương
Art of War written by the Great General
Tran Hung Dao who three times defeated
the Mongol Invasions in 13th Century.



Quân Đội của Dân, chiến đấu vì Dân
Of the People, for the People



Hình Ảnh QLVNCH Photos Album



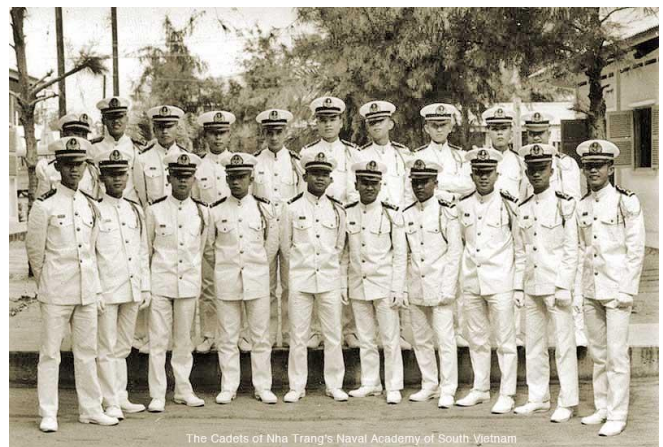
Quân kỳ các Sư Đoàn Bộ Binh trong ngày Quốc Khánh
Flags of Infantry Divisions on Vietnamese National Day



New Graduates of the Polwar College
Tân sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị



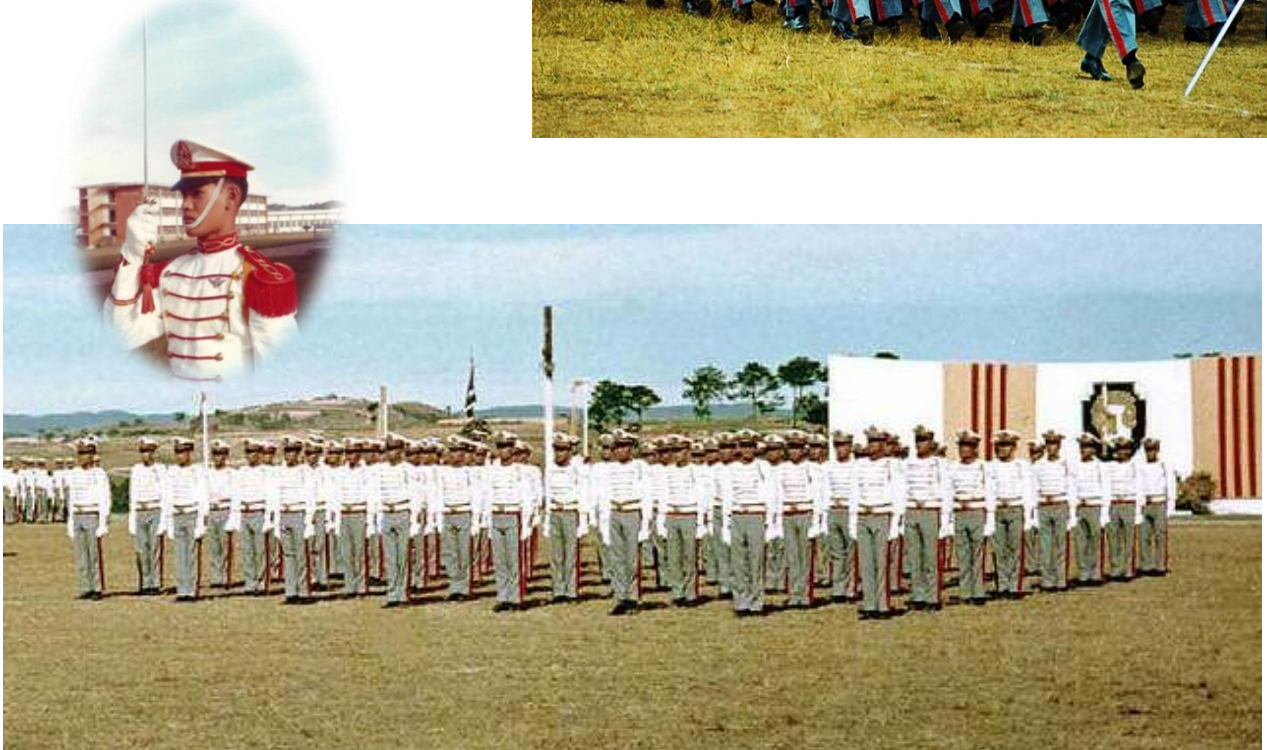
Toán hâu kỳ của SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia (trái) và Trường Bộ Binh (phải)
Color guards of National Military Academy (left) and Thu Duc Infantry School (right)



Tân Sĩ Quan - New graduates of National Military Academy (L) and Naval Academy (R)



Sĩ Quan Không Quân – Air Force Officers



Đội hình SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
Cadets of the Vietnamese National Military Academy



Các Phi Công Phấn Lực F-5
Young F-5 Pilots

Vietnamese Air Force



Freedom Fighter F-5A



Chinook CH-47

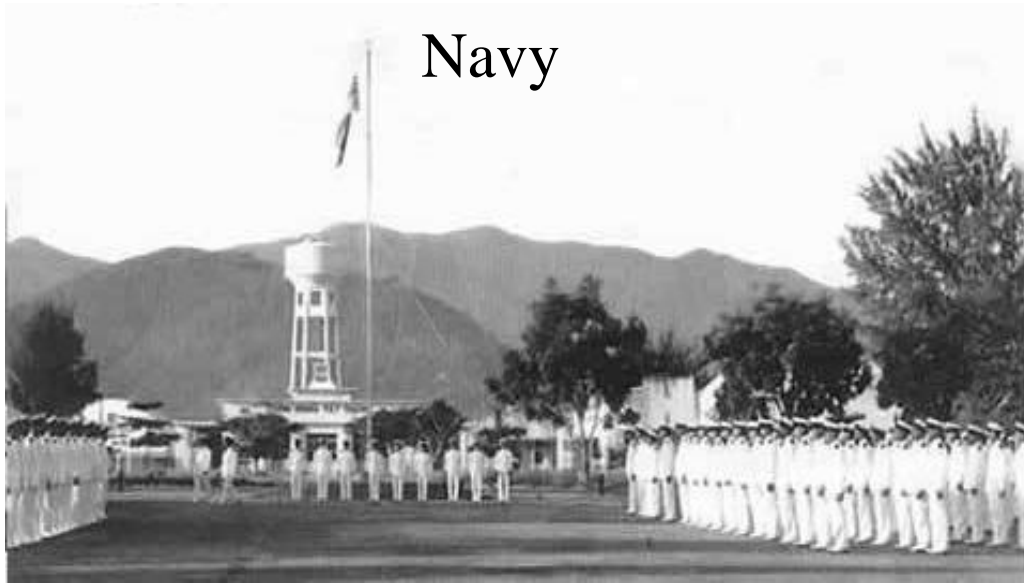


Hercules C-130A

Skyraider A-1



Navy



Tổ Quốc – Trùng Dương





Các Nữ Quân Nhân VNCH - The Women's Army Corps
In circle: Col. Tran Cam Huong, WAC Commander.



Women's Army Corps



vrialmam.com

Một Vài Hình Ảnh Chiến Đấu The ARVN at War



Biệt Động Quân - Vietnamese Rangers



General Do Cao Tri, the best of the best



Quân Cảnh TQLC - Vietnamese Marine M.P.



President Nguyen Van Thieu visited An Loc right after the siege in Summer 1972. With General Le Van Hung (5th Infantry Division Commander) and General Tran Van Nhut (Binh Long Province Chief).



Chiến xa T-54 của Bắc Quân bị bắn hạ
North Vietnamese T-54 tank captured at An Loc 1972



Courtesy General H. Norman Schwarzkopf

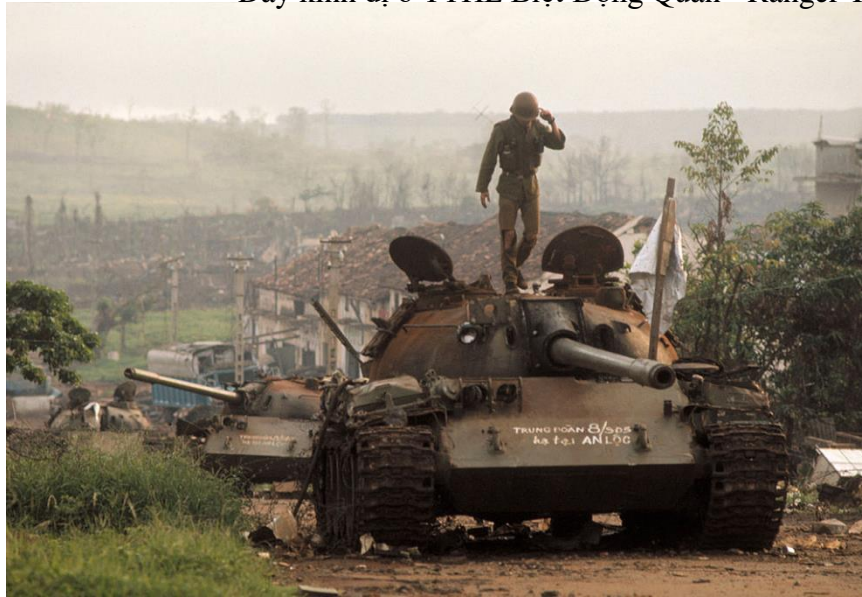


Saving life at the battlefield.
Left: General Norman Schwarzkopf, then Major, US Advisor to Vietnamese Air Borne, carried a wounded ARVN paratrooper to medevac.





Dây kinh dị ở TTHL Biệt Động Quân - Ranger Training Center



General Do Cao Tri was always with his soldiers at front line

An Loc 1972 - After the Siege, the whole city was destroyed. North Vietnam T-54 tanks shot down everywhere

Chiến xa quân Bắc Việt bị bắn cháy khắp nơi

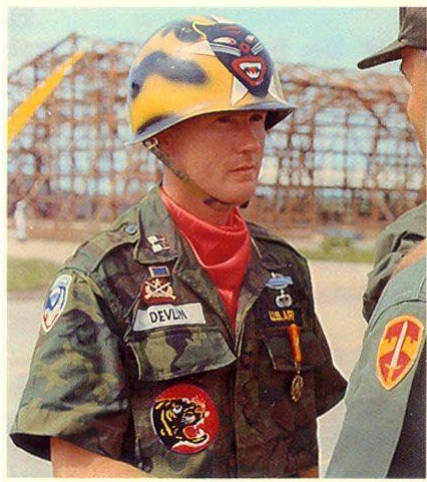




Invasion into Cambodia – Snuol, February 1971



Chờ địch!
Outpost



Captain Gerald Devlin wore the camouflaged helmet of the 44th Ranger Battalion (1965)



Soldiers of the 52nd Ranger Battalion



Soldiers of the 38th Ranger Battalion took a short break during the 1968 Tet Offensive in Cholon.



“Tiger Lady” Madam Ho Thi Que, wife of the 44th Ranger Battalion Commander. She fought alongside with the rangers and was awarded numerous medals.



Lt. Colonel Le Hang Minh, 2nd Marine Battalion and Col. Ton That Soan



Soldiers of the elite 81st Airborne Ranger Quân nhân Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù



Captain Lê Văn Ngôn, defended Tong Le Chan Camp in 510 days under siege and heavy attacks by North Vietnamese regular army. He was promoted Major then Lt. Colonel after bringing his troops to safety.



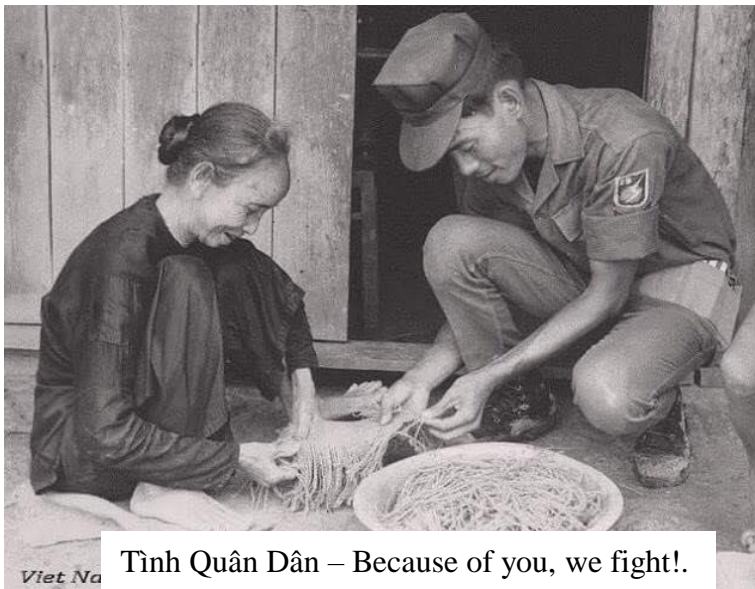
Officers of the 1st Infantry Division



The staff of a company of 5th Infantry in Lai Khe Đại Đội 16, Tiểu Đoàn 4/8 Sư Đoàn 5 Bộ Binh



Theo dõi tin hàng ngày Followed up daily news!



Viet Na Tình Quân Dân – Because of you, we fight!.

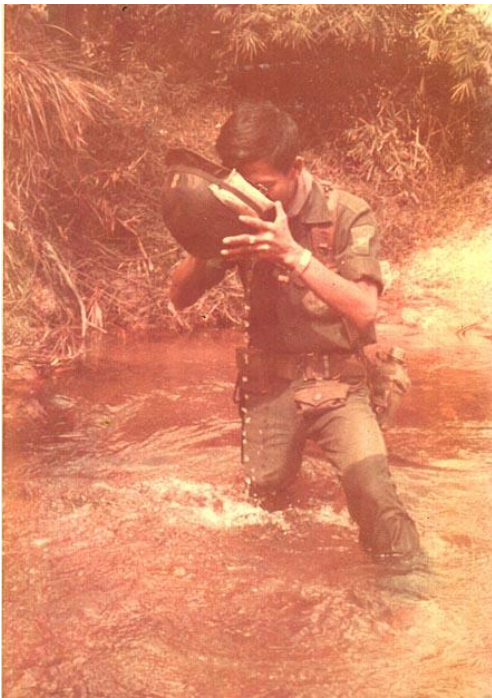


Marine retook the old citadel
in Quang Tri 1972
Tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị



Left: Gen. Le Nguyen Vy (then Colonel, 8th Regiment Commander) discussed with Major Chau Minh Kien (1st Bn. Commander) and US advisors





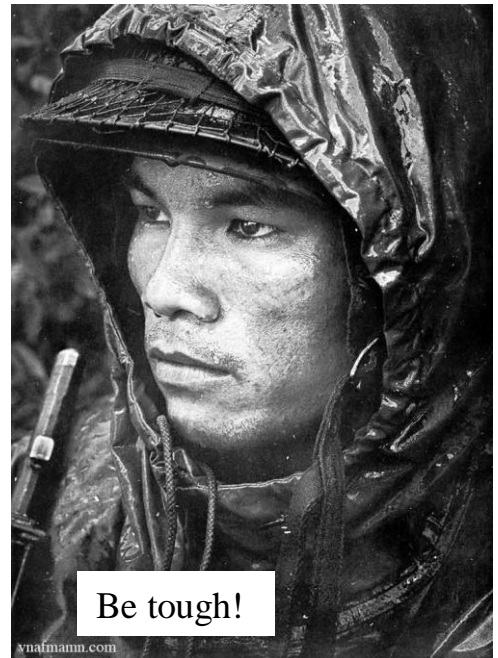
An infantryman in Iron Triangle secret zone



Waiting to be heli-borne to the battlefield



Vietnamese Marines raised the flag at the old citadel of Hue after Tet Mau Than general offensive



Be tough!

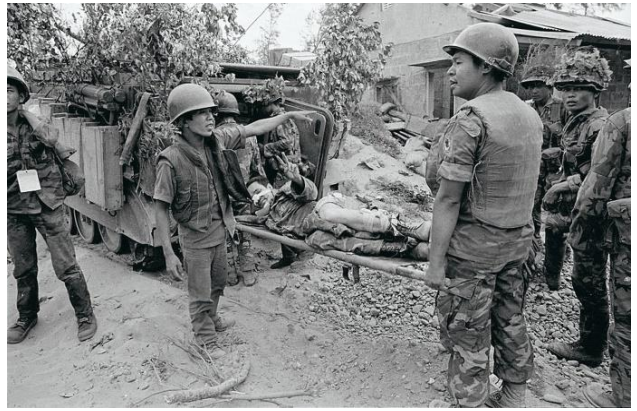


South Vietnamese troops on the move



Gian khổ nhưng vẫn hồn nhiên
Tough life didn't bother the young soldiers!





Summer 1972



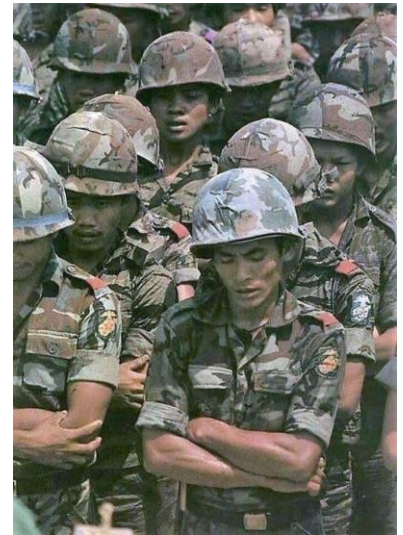
Tải thương
Airborne Medic



Xác Việt Cộng trên hè phố Chợ Lớn 1968
Enemies killed in Tet Offensive in Cholon



Tù binh và vũ khí địch bị quân ta tịch thu.
NVA soldiers and weapons captured in 1972 Summer Campaign



Cầu nguyện ngay tại chiến trường!
Soldiers prayed at a Sunday Mass



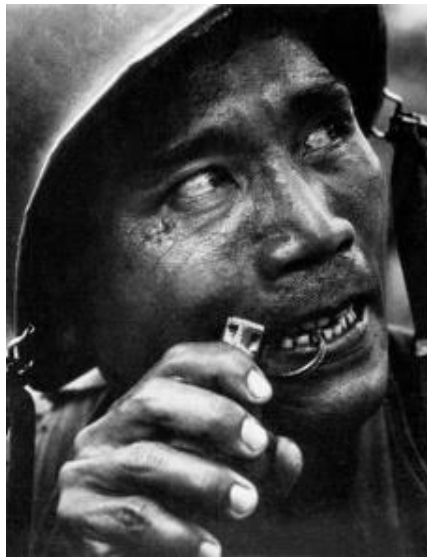
Những chiến binh dũng cảm nhất!
Vietnamese Paratroops, the toughest soldiers of all time



Sinh lầy miền Nam
Out to muddy field



Cờ Việt Cộng bị tịch thu ở Huế
Communist flags captured in Hue during
Tet Mau Than battle



Sẵn sàng
Ready to charge!



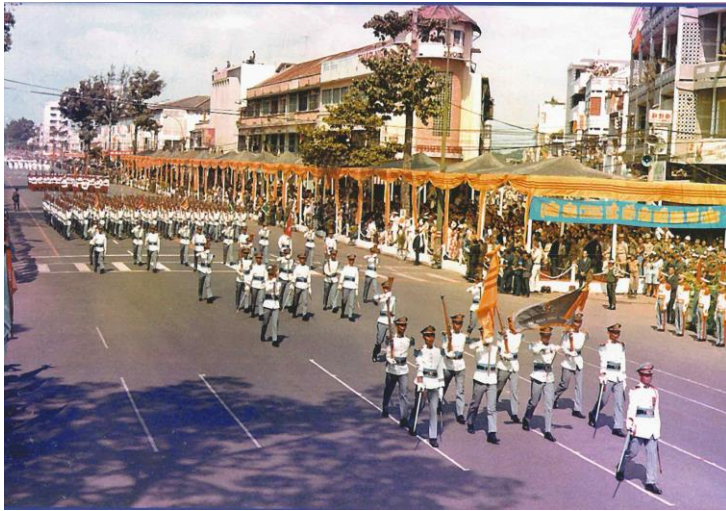
Chiến xa T-54 của Cộng Sản bị bắn cháy ở Lăng Cha Cả
3 North Vietnam T54 tanks burned at Saigon doorstep



South Vietnamese Rangers



Chiến thắng trở về
Triumphal return



Polwar Cadets in Armed Forces Day Parade



Warm Welcome Return



Vietnamese Marine at Cua Viet 1972



Chinook CH-47 pilots



Navy Officers returned to their warship



About the Author



Michael Do graduated from the ARVN Political Warfare College in May 1969 and served as Company Commander with the 5th Infantry Division and later as Chief of Political Education Office with 2nd Air Division. After invading South Vietnam in 1975, the communist authorities sent Do to concentration camps from 1975 to 1985. He was admitted to the United States in 1990 as a political refugee.

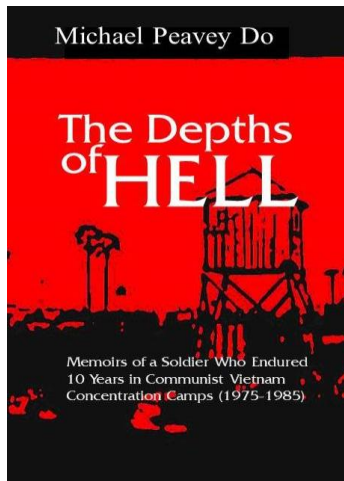
Do graduated from the University of Texas at Austin with a bachelor's degree in Electrical Engineering and from National Technological University with a master's degree in Engineering Management.

Michael Do has been involved in community activities since 1992 and is currently Chairman of the Board of Directors of the Vietnamese American Community of the U.S.A.

He has written and published 15 books sold on Amazon.com.

Do lives in Pflugerville, Texas.

Available on Amazon.com
The Depths of Hell
by Michael Do



Memoirs of an ARVN soldier who endured 10 years in Vietnamese Communist concentration camps after the fall of South Vietnam

Customer Reviews

Richard S. Botkin, Retired Lt. Col., USMC, Vietnam War Veteran. Author, Film Producer of Ride the Thunder.

It is impossible to overstate how evil communism really is...

The more I study, the more I am able to interact with living victims of communism, the more apparent it becomes that it is not possible to overstate how evil communism is and its practitioners are. "The Depths of Hell" is essential reading for anyone interested in rounding out their understanding of the Vietnam War.

Michael Do writes with what I would call a tempered passion. For those of us native-born Americans it is nearly impossible to fathom the injustices and indignities heaped upon our South Vietnamese allies by the conquering invaders from North Vietnam, and yet Do recounts so much which is so far outside the experiences of even those who have seen war up close.

One passage quoting the man who went on to become Secretary General of the VCP was particularly disturbing, but sums up what happened to our no-longer convenient former allies after the war: "We put them in prisons; we confiscate their houses; we sleep with their wives; and we make their children our slaves."

Read this book and learn just a bit about how precious freedom is...

January 4, 2018

Soly, Retired Lt. Col., US Special Forces, Vietnam War Veteran

Appalling crimes against humanity.

Several years after the war, I attempted several times to return to VN to find my ARVN friends, Chap K. and Hoi P. Back then, the only way to visit was by supervised bus tour with NVA Communist spies, Cadre. It was a no go for me.

I waited several more years and was able to backpack through Thailand and Cambodia. With old tattered documents and addresses in hand, I finally found a dear friend Lan. She told me that her sister Minh had escaped by boat, Hoi via Cambodia and Chap, they were all in the USA. I was so happy to hear this news!

Reuniting with my ARVN friends in the USA, I had no idea of the hell they all experienced.

In this book, the author details the hell that he and the ARVN endured after the war.

This book is a Must Read for anyone who was in Vietnam during these troubling times.

As Michael Do writes in his book... " Diseases and Trouble pass through the mouth." In Vietnam, you still have to keep the latter shut.

When the elderly ARVN soldiers die, I know they go directly to heaven, as they have spent their time in hell.

..

The Re-Education Camps.

October 19, 2017



Michael Do graduated from the ARVN Political Warfare College in May 1969 and served as Company Commander with the 5th Infantry Division and later as Chief of Political Education Office with 2nd Air Division. After invading South Vietnam in 1975, the communist authorities sent Do to concentration camps from 1975 to 1985. He was admitted to the United States in 1990 as political refugee.

In 1949, Vietnam became independent and recognized by the world community as The State of Vietnam. In the same year, the Vietnamese National Army (VNA) was formally established with ground, air, and naval branches originating from French Union Army colonial Indochinese auxiliary units.

On October 26, 1955, Mr. Ngô Đình Diệm proclaimed the birth of the Republic of Vietnam; and he became the first president.

On December 30, 1955, the Vietnamese National Army was officially renamed the Armed Forces of the Republic of Vietnam.

The 1st Indochina War (1945-1954) ended with the Geneva Accords. Vietnam was divided in two nations with opposing regimes; The Democratic Republic of Vietnam in the North was under communism; the State of Vietnam in the South became a member of the Free World. A year later, it was renamed the Republic of Vietnam.

On April 30, 1975, South Vietnam fell into the hand of communists. The Armed Forces of the Republic of Vietnam ceased to exist.

ISBN 9781653303434



9 781653 303434